

Vending Machine Capstone Project EDA

by Dao Thanh Dat

Categorical Variables

Machine Line

Count of TransactionId By Machine Line

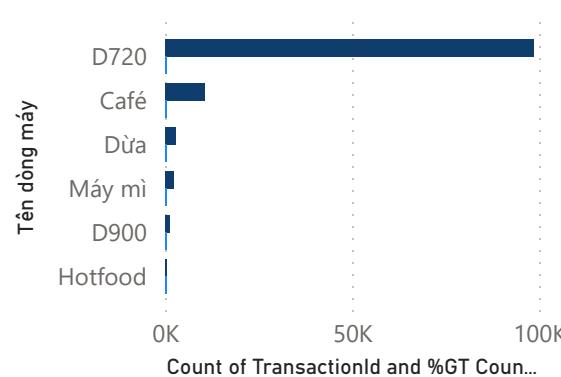
Tên dòng máy	Count of TransactionId	%CT Count of TransactionId
D720	98556	85.20%
Café	10572	9.14%
Dùa	2894	2.50%
Máy mì	2154	1.86%
D900	1134	0.98%
Hotfood	369	0.32%
Total	115679	100.00%

Count of TransactionId By Machine Line over Time

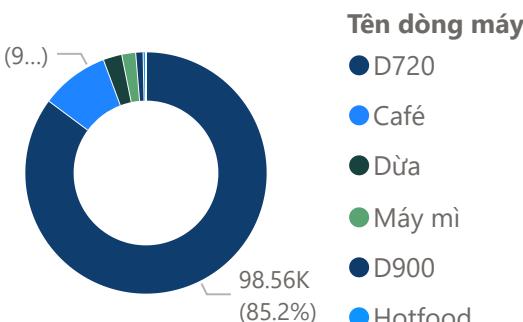
Year	2020	April			May
Month	March	Count of TransactionId	%CT Count of TransactionId	Count of TransactionId	%CT Count of TransactionId
Café		4019	9.57%	3143	10.44%
D720		34911	83.12%	25498	84.70%
D900		463	1.10%	370	1.23%
Dùa		1544	3.68%	523	1.74%
Hotfood		249	0.59%	18	0.06%
Máy mì		817	1.95%	552	1.83%
Total		42003	100.00%	30104	100.00%
					4357

Count of TransactionId By Machine Line

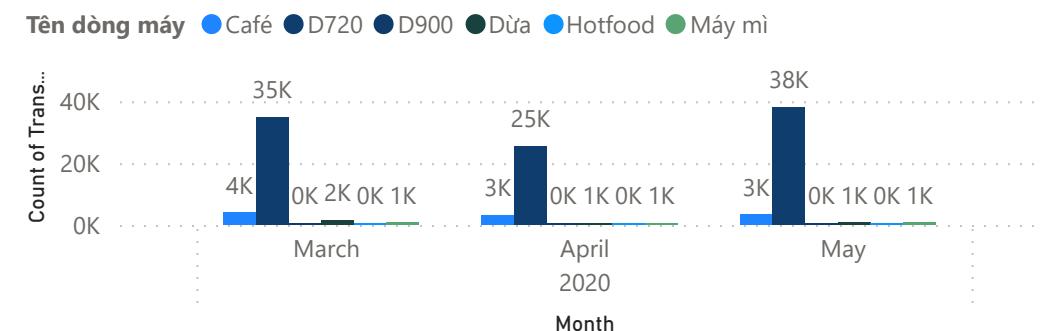
● Count of TransactionId ● %GT Count of Trans...



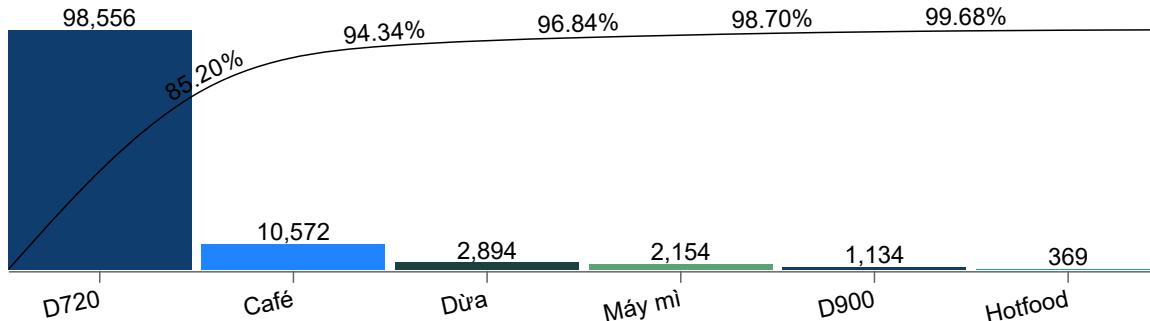
Contribution of Transactions By Machine Line



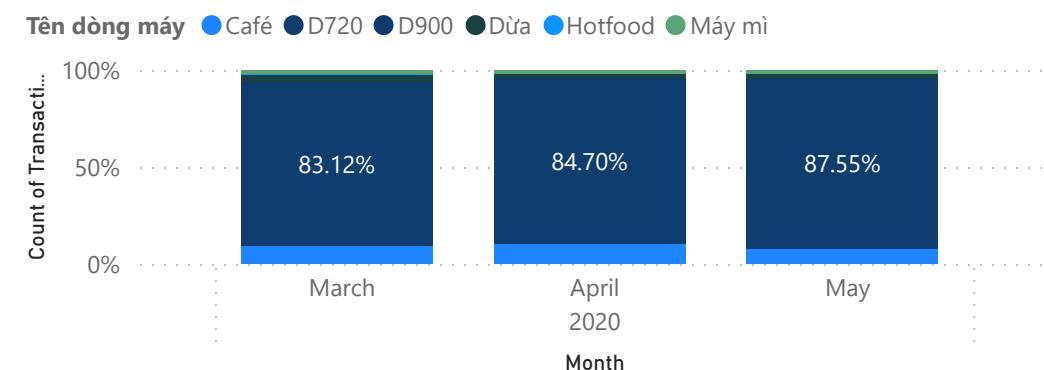
Count of TransactionId By Machine Line over Time



Contribution of Transactions By Machine Line



Count of TransactionId By Machine Line over Time



YearMonth

All

Payment...

All

Tỉnh

All

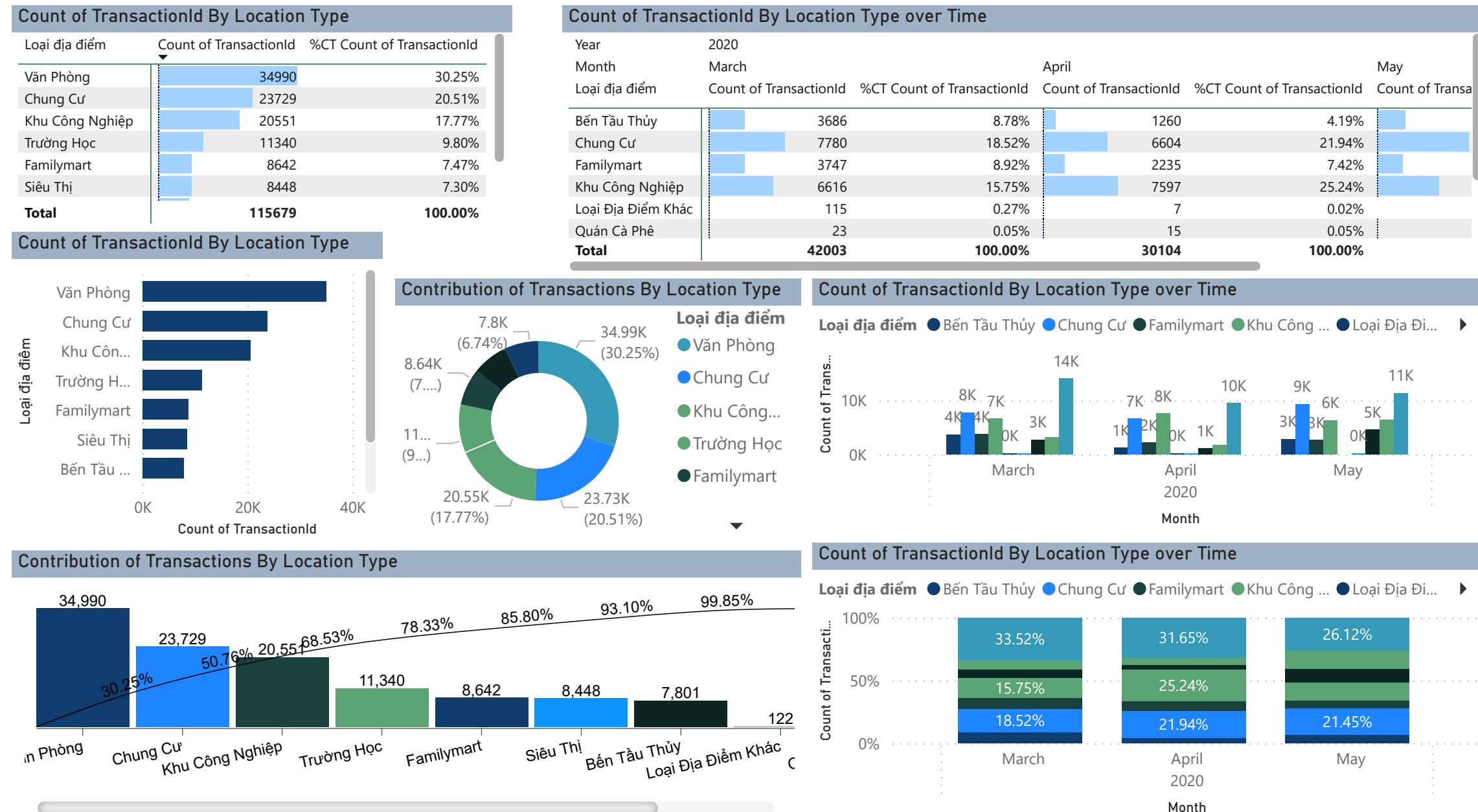
Tên dòng...

All

Tên danh...

All

Location Type



Province

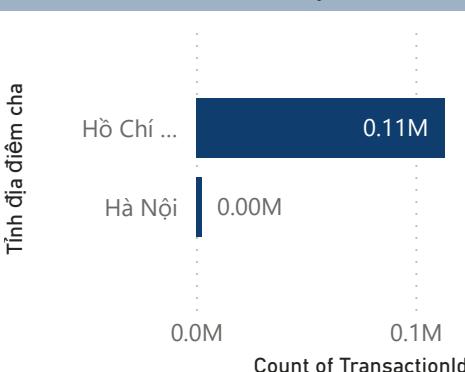
Count of TransactionId By Parent Province

Tỉnh địa điểm cha	Count of TransactionId	%GT Count of TransactionId
Hồ Chí Minh	113348	97.98%
Hà Nội	2331	2.02%
Total	115679	100.00%

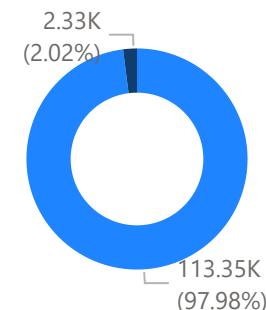
Count of TransactionId By Parent Province over Time

Year	2020	Month	March	April	May
Tỉnh địa điểm cha	Count of TransactionId	%CT	Count of TransactionId	Count of TransactionId	%CT
Hà Nội	796	1.90%	710	2.36%	815
Hồ Chí Minh	41207	98.10%	29394	97.64%	42714
Total	42003	100.00%	30104	100.00%	435

Count of TransactionId By Parent Province

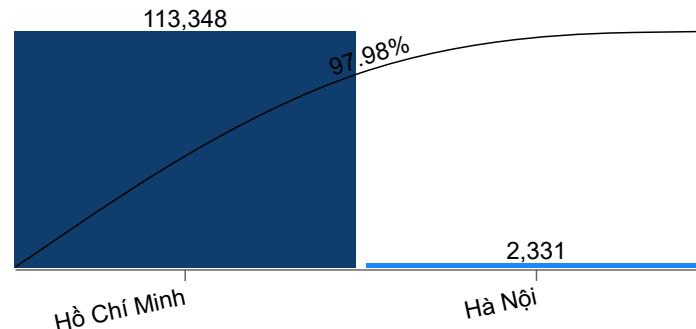


Contribution of Transactions By Parent Province



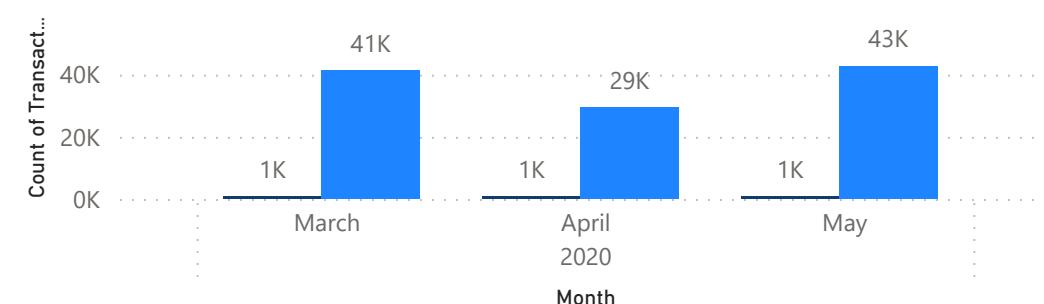
Tỉnh địa điểm cha
● Hồ Chí Minh
● Hà Nội

Pareto Chart of Transactions By Parent Province



Count of TransactionId By Parent Province over Time

Tỉnh địa điểm cha ● Hà Nội ● Hồ Chí Minh



Count of TransactionId By Parent Province over Time

Tỉnh địa điểm cha ● Hà Nội ● Hồ Chí Minh



YearMonth

All

Payment...

All

Tỉnh

All

Tên dòng...

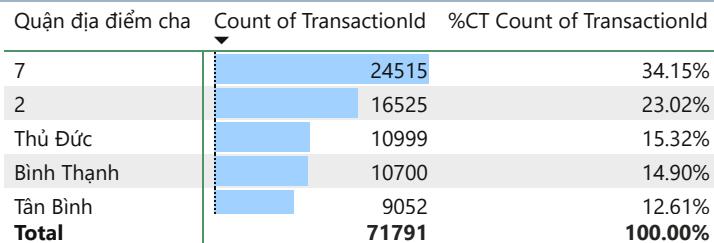
All

Tên danh...

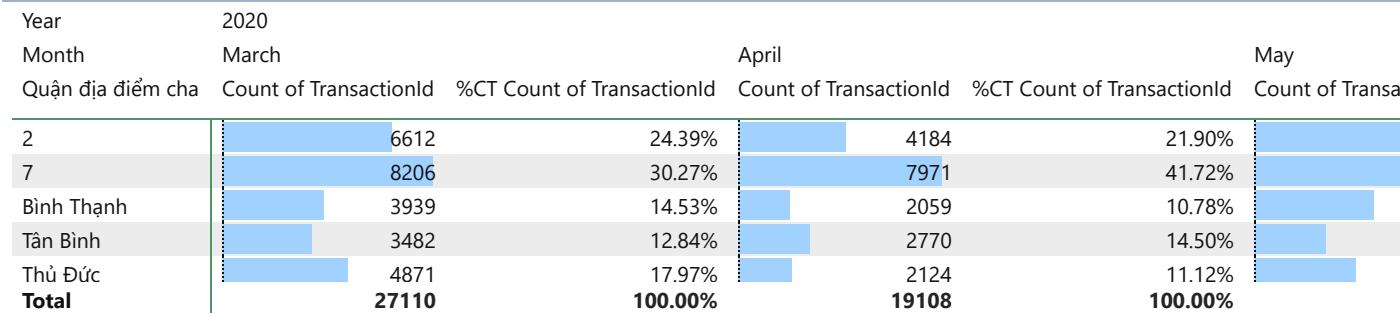
All

District

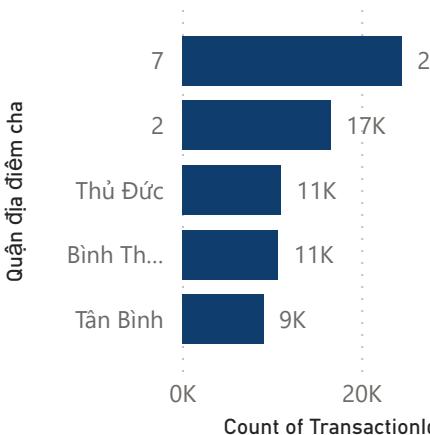
Count of TransactionId By District (Top 5)



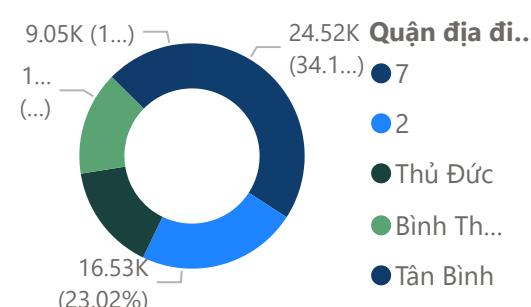
Count of TransactionId By District (Top 5) over Time



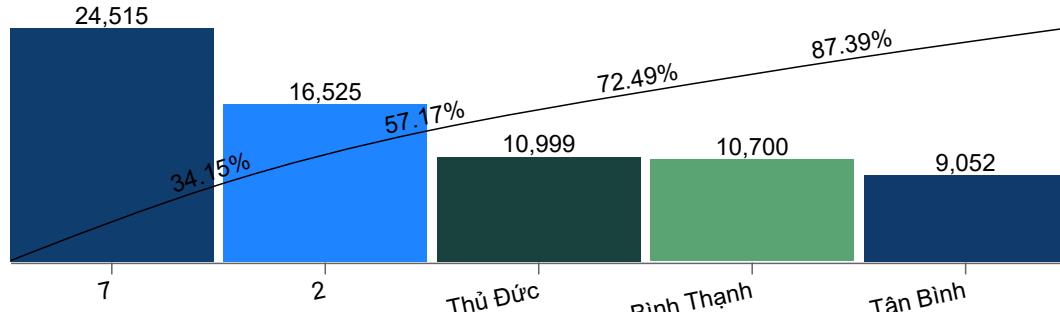
Count of TransactionId By Parent District (Top 5)



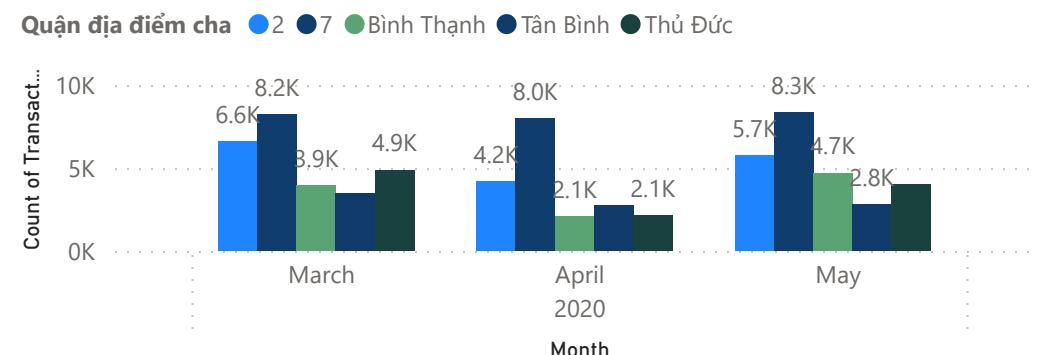
Contribution of Transactions By Parent District (Top 5)



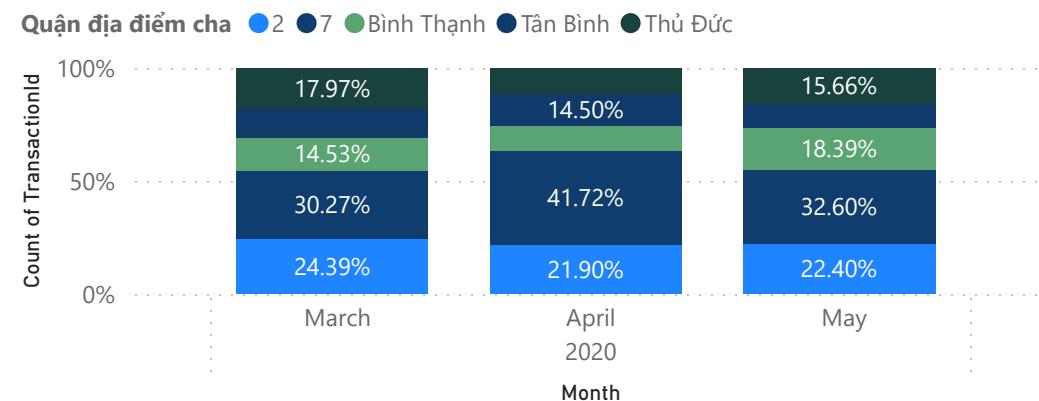
Pareto Chart of Transactions By Parent District (Top 5)



Count of TransactionId By Parent District (Top 5) over Time



Count of TransactionId By Parent District (Top 5) over Time



YearMonth

All

Payment...

All

Tỉnh

All

Tên dòng...

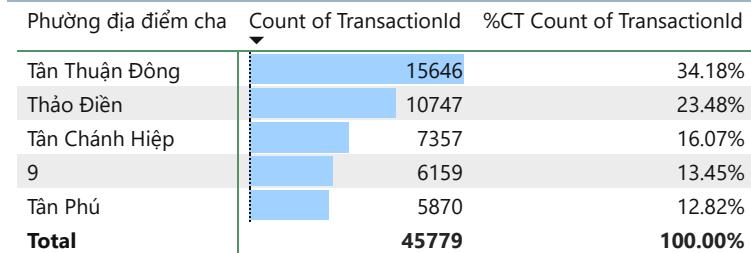
All

Tên danh...

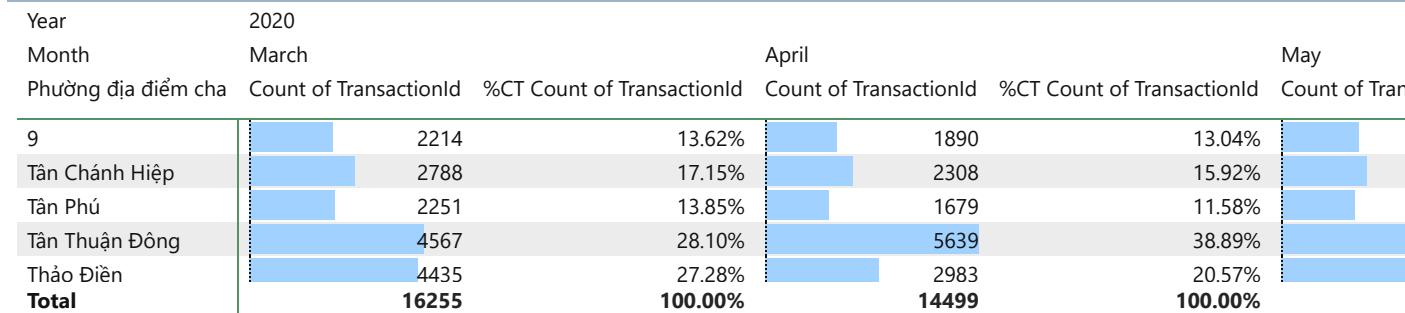
All

Ward

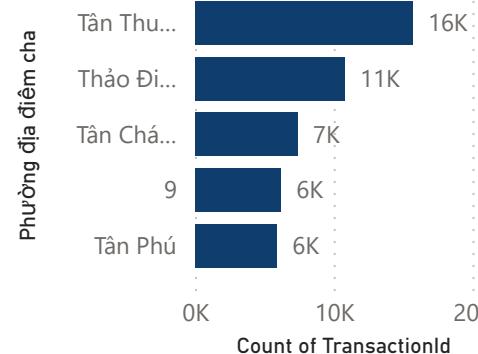
Count of TransactionId By Ward (Top 5)



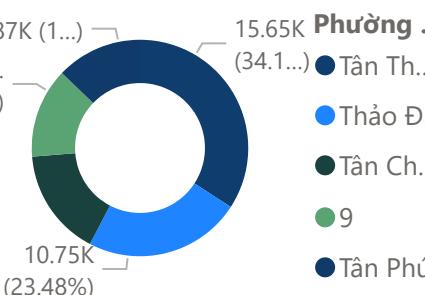
Count of TransactionId By Ward (Top 5) over Time



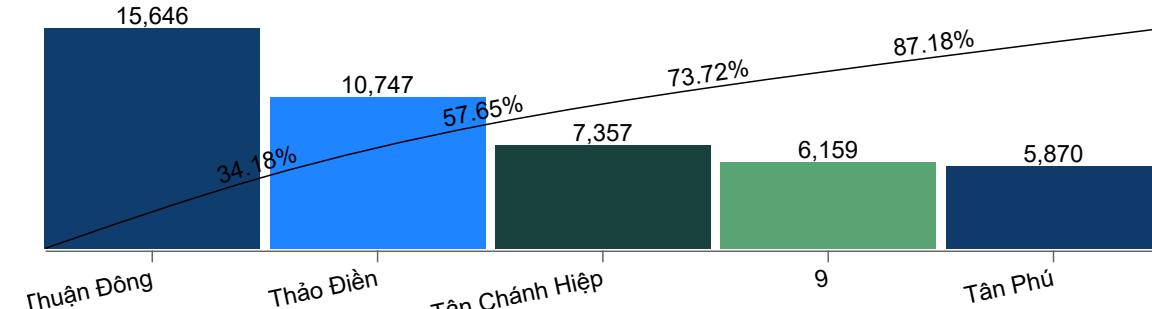
Count of TransactionId By Ward (Top 5)



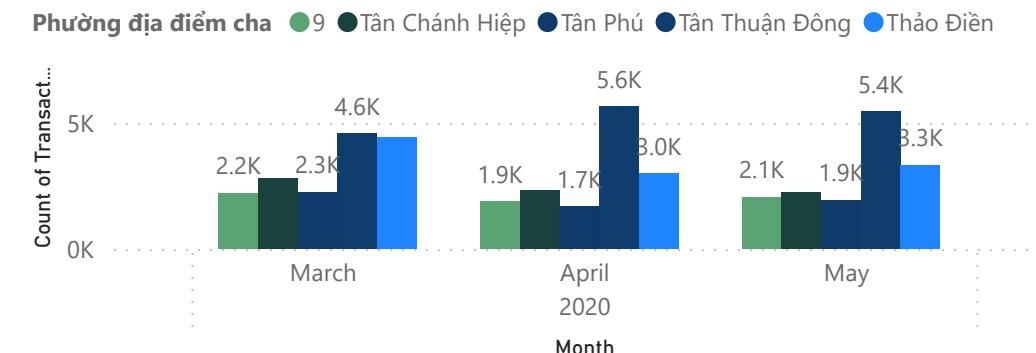
Contribution of Transactions By Parent Ward (Top 5)



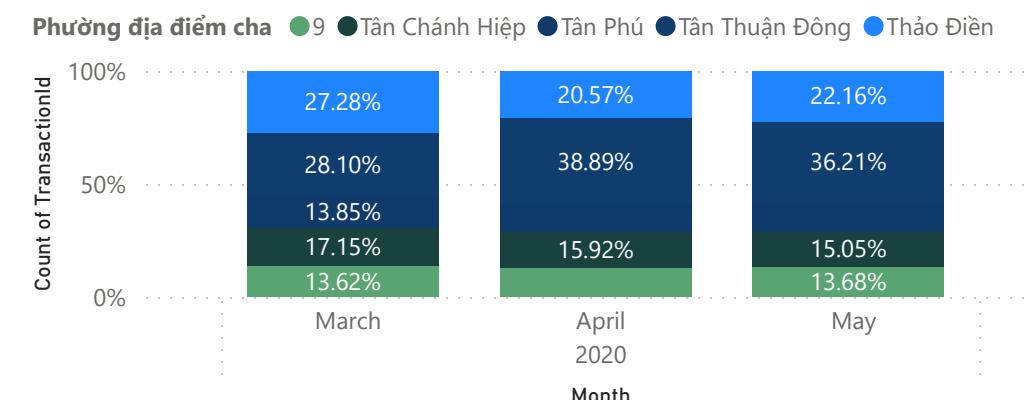
Contribution of Transactions By Parent Ward (Top 5)



Count of TransactionId By Parent Ward (Top 5) over Time



Count of TransactionId By Parent Ward (Top 5) over Time



YearMonth

All

Payment...

All

Tỉnh

All

Tên dòng...

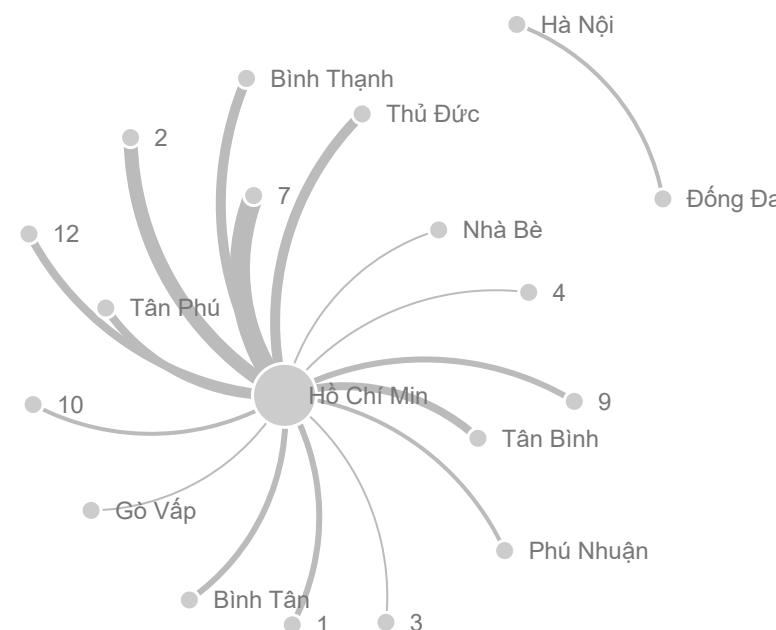
All

Tên danh...

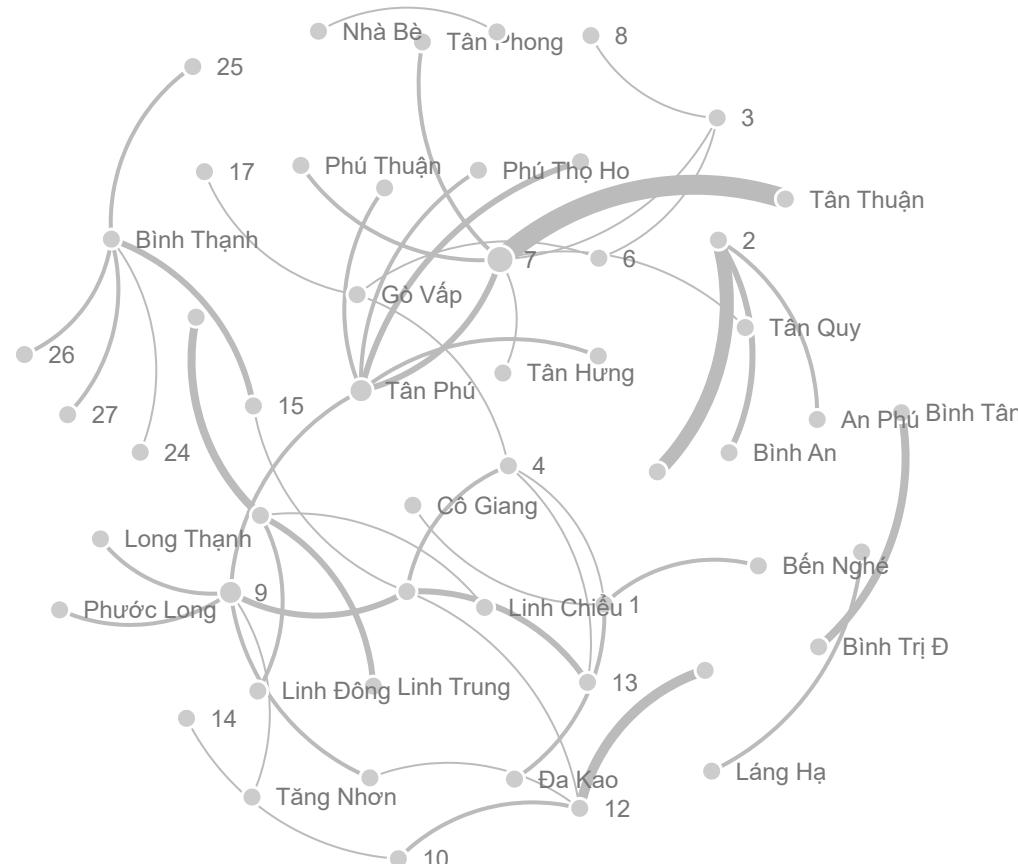
All

Geography Hierarchy

Count of TransactionId by Tỉnh địa điểm cha and Quận địa điểm cha



Count of TransactionId by Quận địa điểm cha and Phường địa điểm cha



YearMonth

Payment...

Tỉnh

Tên dòng...

Tên danh...

Machine Status

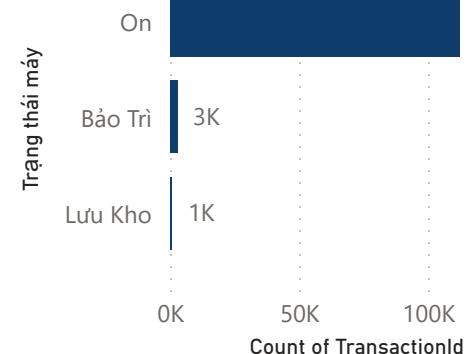
Count of TransactionId By Machine Status

Trạng thái máy	Count of TransactionId	%CT Count of TransactionId
On	112228	97.02%
Bảo Trì	2746	2.37%
Lưu Kho	705	0.61%
Total	115679	100.00%

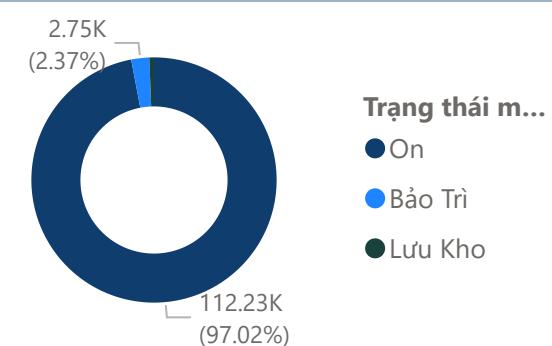
Count of TransactionId By Machine Status over Time

Year	2020	Month	March	April	May
Trạng thái máy	Count of TransactionId	%CT	Count of TransactionId	Count of TransactionId	Count of TransactionId
Bảo Trì	1611	3.84%	790	2.62%	345
Lưu Kho	414	0.99%	220	0.73%	71
On	39978	95.18%	29094	96.64%	43156
Total	42003	100.00%	30104	100.00%	43572

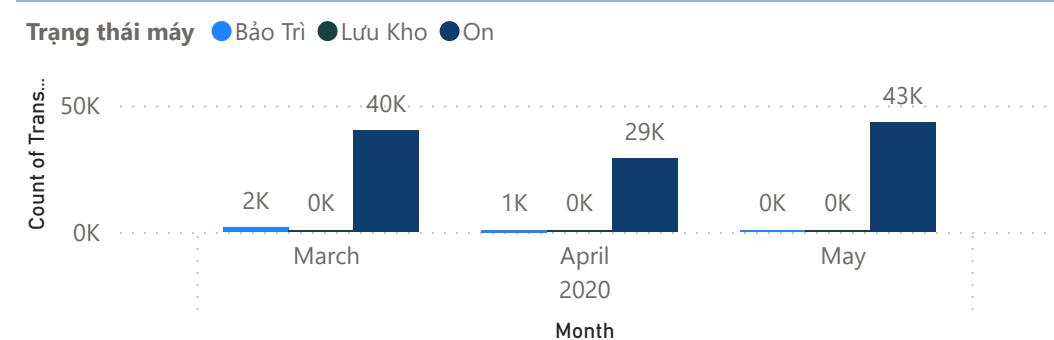
Count of TransactionId By Machine Status



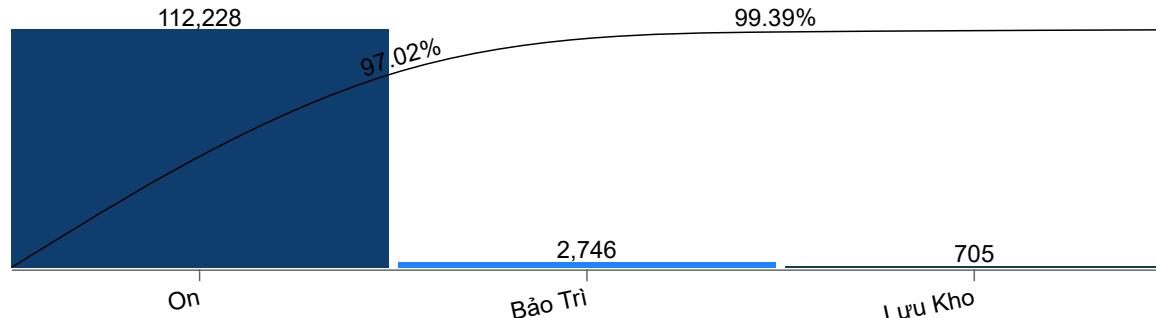
Contribution of Transactions By Machine Status



Count of TransactionId By Machine Status over Time



Contribution of Transactions By Machine Status



Count of TransactionId By Machine Status over Time



YearMonth

All

Payment...

All

Tỉnh

All

Tên dòng...

All

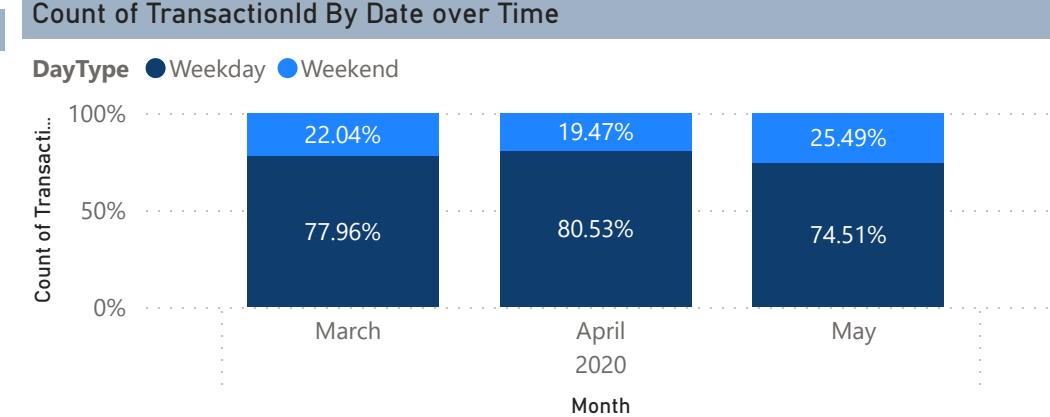
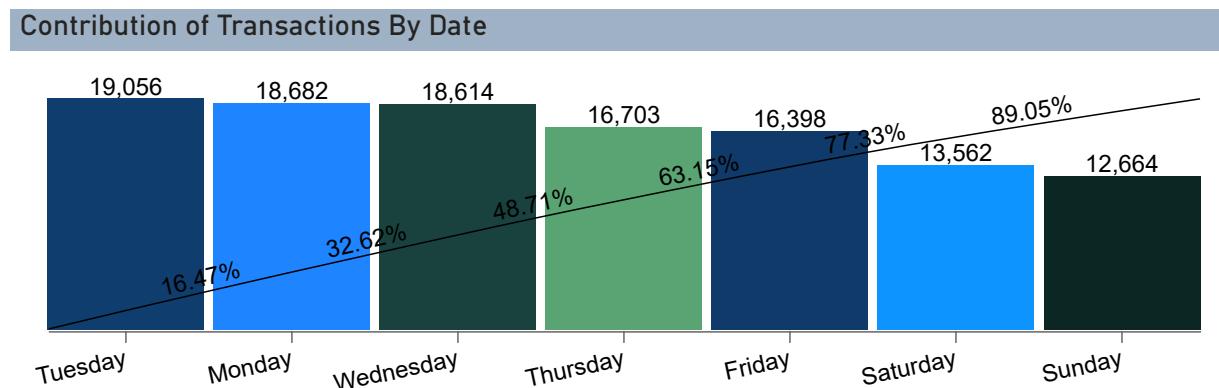
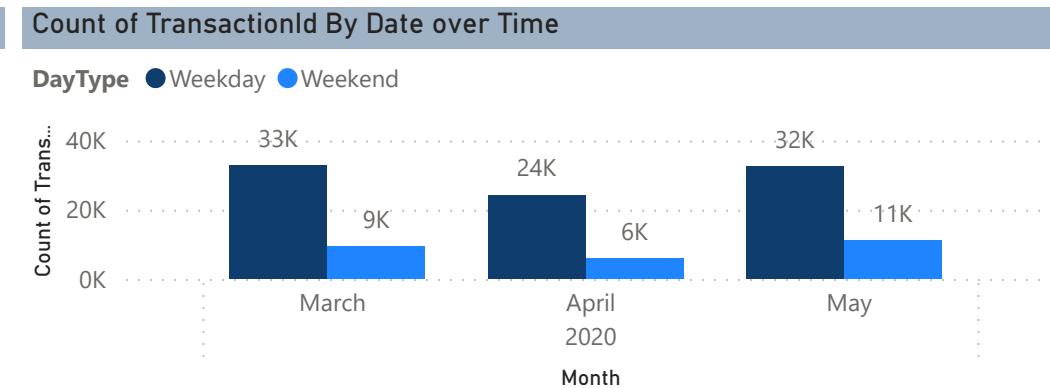
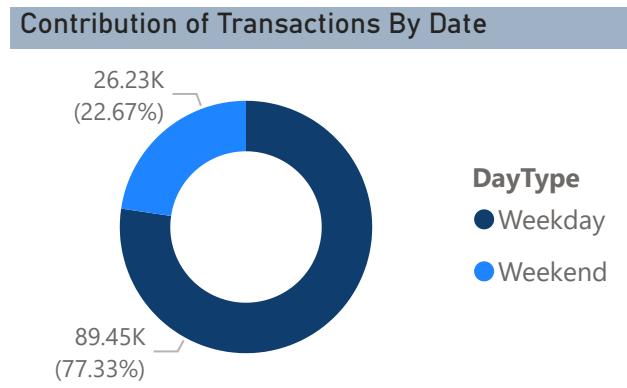
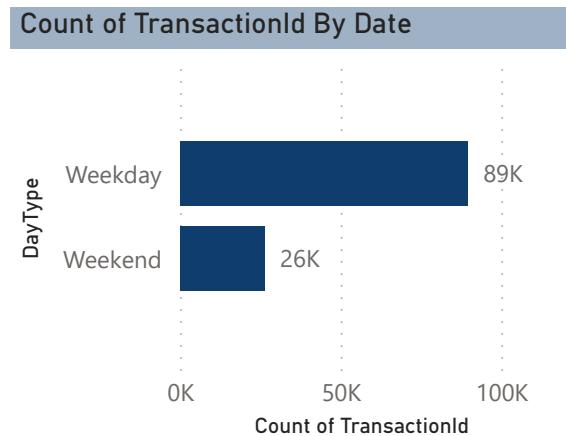
Tên danh...

All

Date

Count of TransactionId By Date		
DayName	Count of TransactionId	%CT Count of TransactionId
Tuesday	19056	16.47%
Monday	18682	16.15%
Wednesday	18614	16.09%
Thursday	16703	14.44%
Friday	16398	14.18%
Saturday	13562	11.72%
Sunday	12664	10.95%
Total	115679	100.00%

Count of TransactionId By Date over Time					
Year	2020	Month	March	April	May
DayName	Count of TransactionId	%CT Count of TransactionId	Count of TransactionId	%CT Count of TransactionId	Count of TransactionId
Friday	5705	13.58%	4597	15.27%	6096
Monday	7539	17.95%	4476	14.87%	6667
Saturday	4380	10.43%	3460	11.49%	5722
Sunday	4876	11.61%	2402	7.98%	5386
Thursday	6235	14.84%	4984	16.56%	5484
Tuesday	7308	17.40%	4522	15.02%	7226
Total	42003	100.00%	30104	100.00%	43572



YearMonth

Payment...

Tỉnh

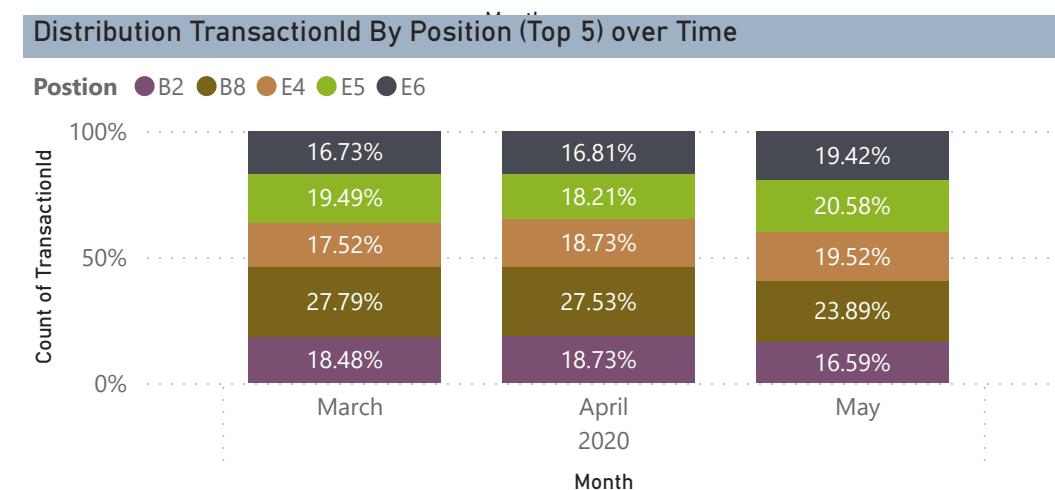
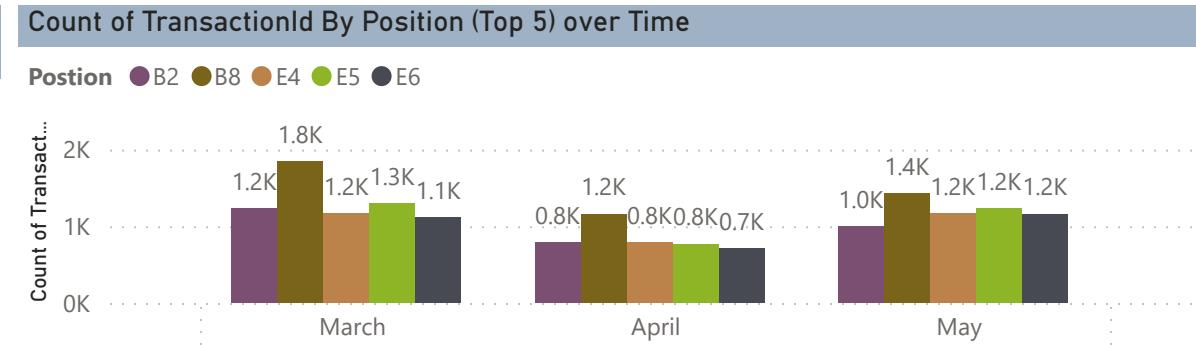
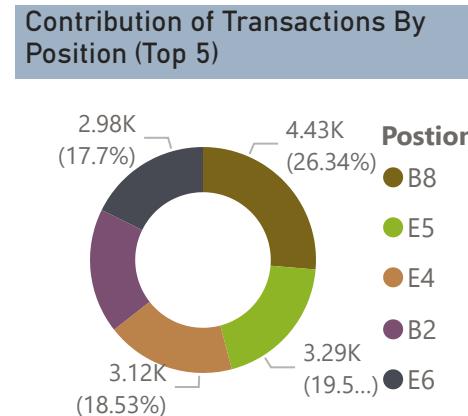
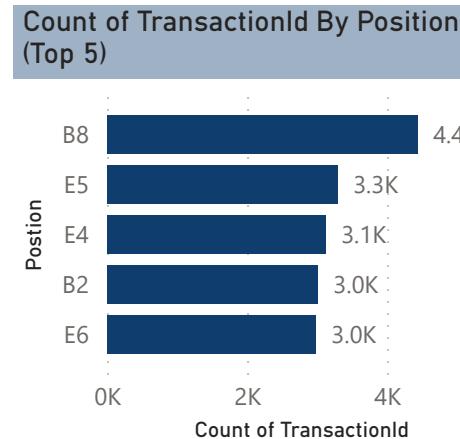
Tên dòng...

Tên danh...

Position in Machine

Count of TransactionId By Position (Top 5)			
Position	Count of TransactionId	%CT	Count of TransactionId
B8	4432	26.34%	
E5	3290	19.55%	
E4	3118	18.53%	
B2	3007	17.87%	
E6	2979	17.70%	
Total	16826		100.00%

Count of TransactionId By Position (Top 5) over Time							
Year	2020	March			April		May
Position	Count of TransactionId	%CT	Count of TransactionId	Count of TransactionId	%CT	Count of TransactionId	%C
B2	1227	18.48%	789	18.73%	991		
B8	1845	27.79%	1160	27.53%	1427		
E4	1163	17.52%	789	18.73%	1166		
E5	1294	19.49%	767	18.21%	1229		
E6	1111	16.73%	708	16.81%	1160		
Total	6640	100.00%	4213	100.00%	5973		



YearMonth ▾

Payment...

Tỉnh 

Tên dòng... ▾

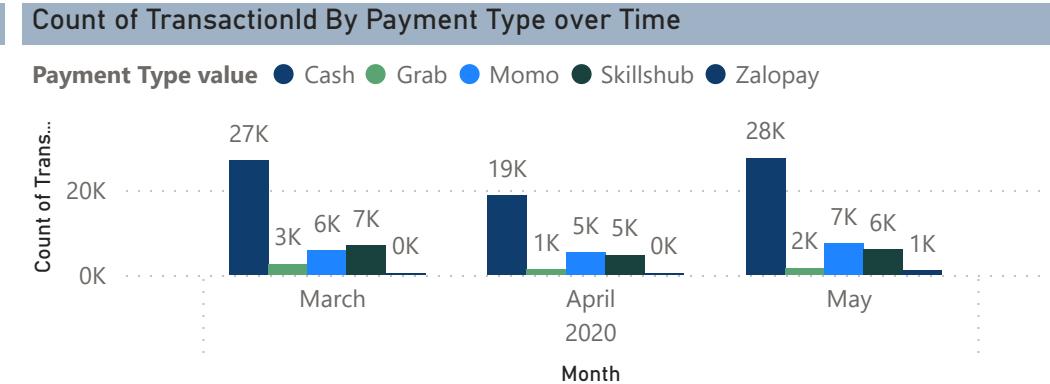
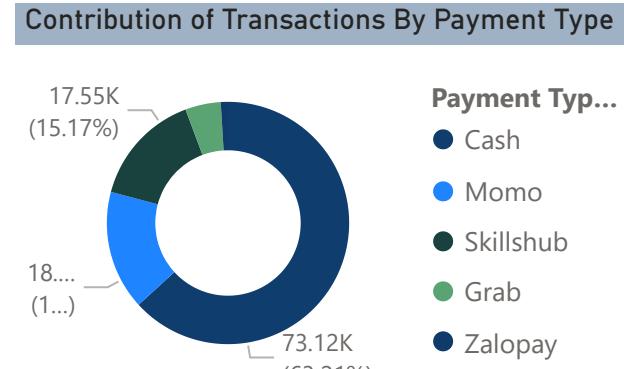
Tên danh... ✓

Payment Type

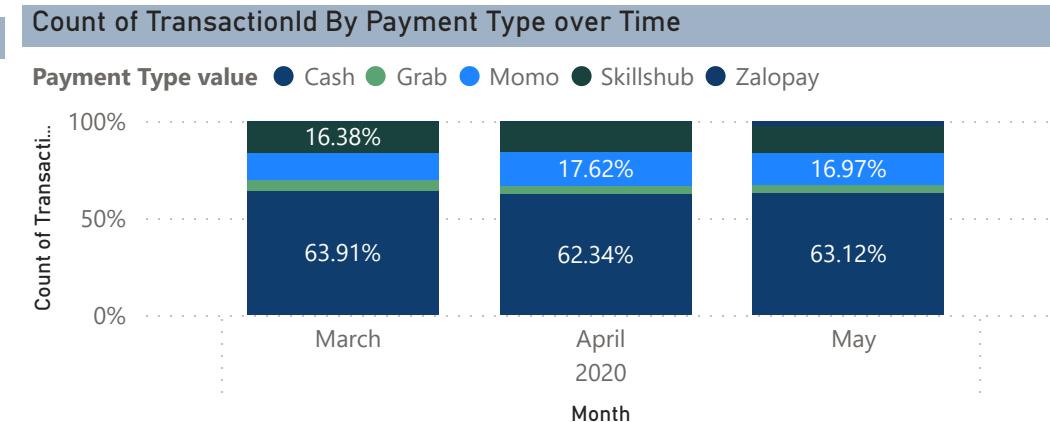
Count of TransactionId By Payment Type		
Payment Type value	Count of TransactionId	%CT Count of TransactionId
Cash	73118	63.2
Momo	18423	15.9
Skillshub	17548	15.1
Grab	5485	4.7
Zalopay	1105	0.9
Total	115679	100.0

Count of TransactionId By Payment Type over Time					
Year	2020	Month	March	April	May
Payment Type value	Count of TransactionId	%CT Count of TransactionId	Count of TransactionId	%CT Count of TransactionId	Count of TransactionId
Cash	26846	63.91%	18768	62.34%	21000
Grab	2542	6.05%	1336	4.44%	2000
Momo	5727	13.63%	5303	17.62%	15000
Skillshub	6878	16.38%	4695	15.60%	10000
Zalopay	10	0.02%	2	0.01%	1000
Total	42003	100.00%	30104	100.00%	40000

Count of TransactionId By Payment Type	
Cash	73K
Momo	18K
Skillshub	18K
Grab	5K
Zalopay	1K
0K	50K
Count of TransactionId	



Contribution of Transactions By Payment Type	
Cash	73,118
Momo	18,423
Skillshub	17,548
Grab	5,485
Zalopay	1,105
63.21%	79.13%
94.30%	99.04%
Count of TransactionId	



YearMonth

Payment...

Tỉnh

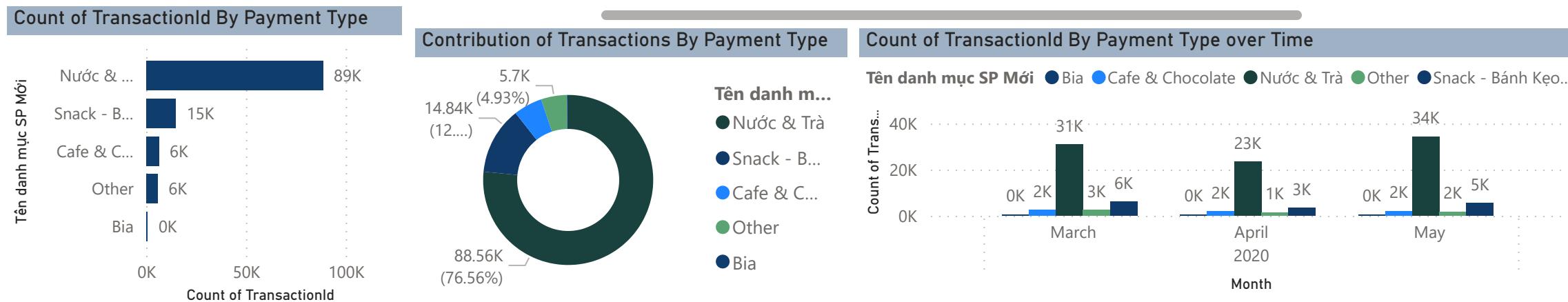
Tên dòng...

Tên danh...

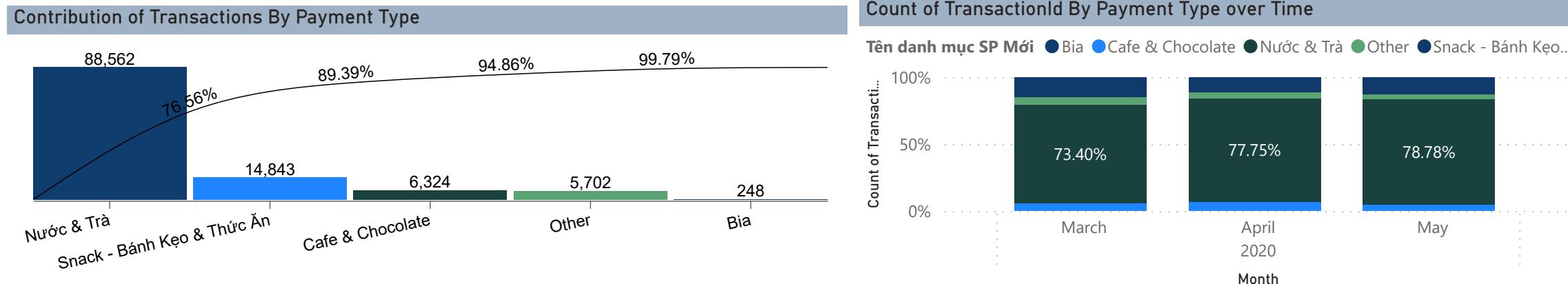
Product Category

Count of TransactionId By Payment Type			Count of TransactionId By Payment Type over Time					
Tên danh mục SP Mới	Count of TransactionId	%CT Count of TransactionId	Year	2020	Month	March	April	May
Nước & Trà	88562	76.56%						
Snack - Bánh Kẹo & Thức Ăn	14843	12.83%						
Cafe & Chocolate	6324	5.47%						
Other	5702	4.93%						
Bia	248	0.21%						
Total	115679	100.00%						

YearMonth



Payment...



Product

Count of TransactionId By Product

Tên sản phẩm	Count of TransactionId	%CT Count of TransactionId
Nước Tinh Khiết Aquafina 500MI	12552	
Nước Tăng Lực Red Bull 250MI	6769	
Trà Oolong Tea+ 350MI	4743	
Revive Chanh Muối 390MI	4223	
Nước Nho Nha Đam Vfresh 350MI	4127	
Nước Khoáng Lavie 500MI	3973	
Nước Sting Dâu 330MI	3968	
Café Sữa Highland 235MI	3854	
Trà Chanh Đá	3654	
Nước Uống Dasani 500MI	3364	
Dừa Xiêm Đỏ	2864	
Milo Nước Lon 240 MI	2847	
Nước Cam Ép Twister 350MI	2723	
Trà Lipton Đen Vị Chanh 455MI	2437	
Pocari Sweat 350MI	2372	
Cà Phê Sữa Đá	2195	
Mirinda Cream Soda 330MI	2009	
Pepsi Cola Pet 390MI	2003	
Pepsi Cola 330MI	1999	
Trà Nha Đam Vfresh 350MI	1861	
Nước 7Up Sleek Vị Chanh 330MI	1840	
Đậu Phòng Da Cá Nước Cốt Dừa 42G	1557	
Scu Tt Nha Đam Vnm Yomilk Chai 150MI	1536	
Nước Yến Việt Nha Đam Đường Phèn 280MI	1257	
Đậu Phòng Tỏi Ót Deluxnuts 30G	1209	
Café Đen Việt Nam Highland 185MI	1183	
Lay'S Khoai Tây Bò Bít Tết 30G	1138	
Lay'S Khoai Tây Bbq 30G	1119	
Khô Gà Cay 20G	970	
Trà Fuzetea Đào & Hạt Chia 350MI	954	
Cà Phê Đen Đá	945	
Khô Gà Cay Lá Chanh 20G	887	
Coca Cola 330MI	862	
Total	115679	

Count of TransactionId By Product over Time

Year	2020			
	Month	March	April	May
Nước Tinh Khiết Aquafina 500MI		3907	9.30%	2368
Nước Tăng Lực Red Bull 250MI		2200	5.24%	1566
Trà Oolong Tea+ 350MI		1619	3.85%	1383
Revive Chanh Muối 390MI		1484	3.53%	1128
Nước Nho Nha Đam Vfresh 350MI		1254	2.99%	1137
Nước Khoáng Lavie 500MI		1340	3.19%	699
Nước Sting Dâu 330MI		1352	3.22%	1132
Café Sữa Highland 235MI		1363	3.25%	967
Trà Chanh Đá		1574	3.75%	952
Nước Uống Dasani 500MI		1371	3.26%	816
Dừa Xiêm Đỏ		1521	3.62%	516
Milo Nước Lon 240 MI		838	2.00%	715
Nước Cam Ép Twister 350MI		932	2.22%	744
Trà Lipton Đen Vị Chanh 455MI		568	1.35%	853
Pocari Sweat 350MI		638	1.52%	466
Cà Phê Sữa Đá		846	2.01%	618
Mirinda Cream Soda 330MI		530	1.26%	592
Pepsi Cola Pet 390MI		374	0.89%	517
Pepsi Cola 330MI		521	1.24%	614
Trà Nha Đam Vfresh 350MI		525	1.25%	479
Nước 7Up Sleek Vị Chanh 330MI		461	1.10%	684
Đậu Phòng Da Cá Nước Cốt Dừa 42G		493	1.17%	449
Scu Tt Nha Đam Vnm Yomilk Chai 150MI		516	1.23%	478
Nước Yến Việt Nha Đam Đường Phèn 280MI		321	0.76%	339
Đậu Phòng Tỏi Ót Deluxnuts 30G		491	1.17%	273
Café Đen Việt Nam Highland 185MI		387	0.92%	377
Lay'S Khoai Tây Bò Bít Tết 30G		364	0.87%	237
Lay'S Khoai Tây Bbq 30G		404	0.96%	256
Khô Gà Cay 20G		383	0.91%	211
Trà Fuzetea Đào & Hạt Chia 350MI		431	1.03%	370
Cà Phê Đen Đá		329	0.78%	355
Total		42003	100.00%	30104

YearMonth

All

Payment...

All

Tỉnh

All

Tên dòng...

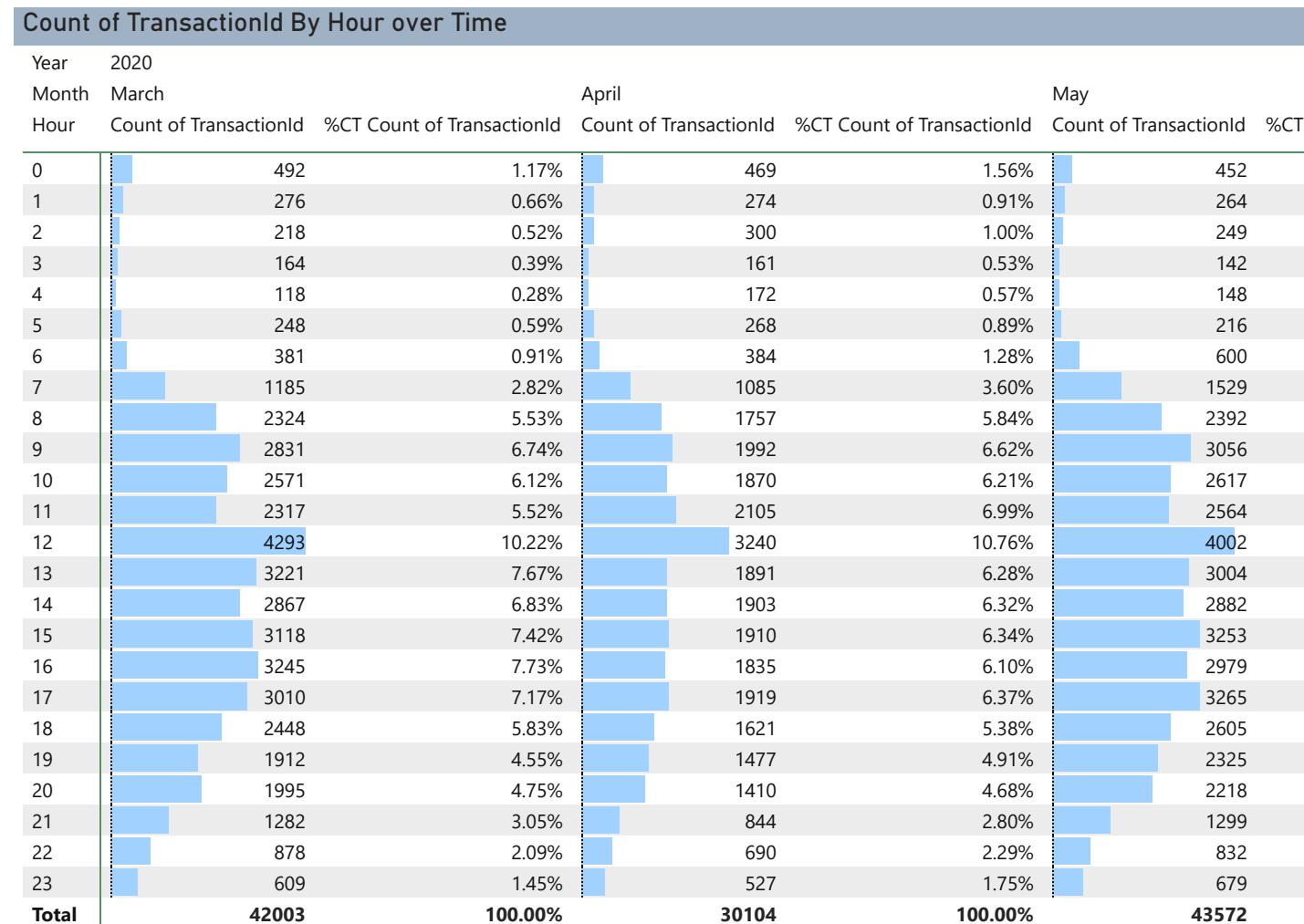
All

Tên danh...

All

Time

Count of TransactionId By Hour		
Hour	Count of TransactionId	%CT Count of TransactionId
23	1815	1.57%
22	2400	2.07%
21	3425	2.96%
20	5623	4.86%
19	5714	4.94%
18	6674	5.77%
17	8194	7.08%
16	8059	6.97%
15	8281	7.16%
14	7652	6.61%
13	8116	7.02%
12	11535	9.97%
11	6986	6.04%
10	7058	6.10%
9	7879	6.81%
8	6473	5.60%
7	3799	3.28%
6	1365	1.18%
5	732	0.63%
4	438	0.38%
3	467	0.40%
2	767	0.66%
1	814	0.70%
0	1413	1.22%
Total	115679	100.00%



YearMonth ▾

Payment... ▾

Tỉnh ▾

Tên dòng... ▾

Tên danh... ▾

Transaction Status

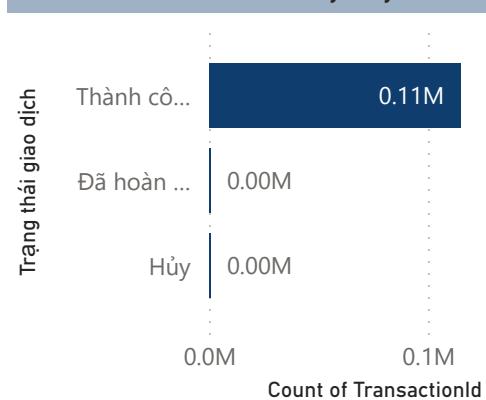
Count of TransactionId By Payment Type

Trạng thái giao dịch	Count of TransactionId	%CT Count of TransactionId
Thành công	114770	99.21%
Đã hoàn tiền	905	0.78%
Hủy	4	0.00%
Total	115679	100.00%

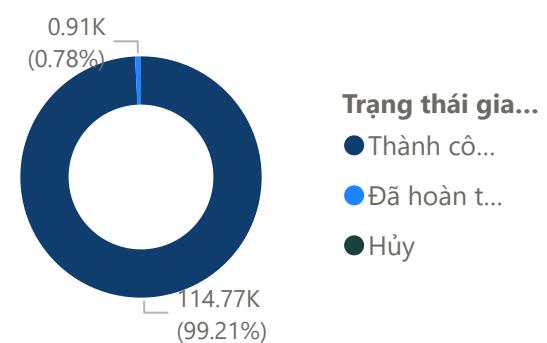
Count of TransactionId By Payment Type over Time

Year	2020	Month	March	April	May
Trạng thái giao dịch	Count of TransactionId	%CT Count of TransactionId	Count of TransactionId	%CT Count of TransactionId	Count of TransactionId
Đã hoàn tiền	273	0.65%	258	0.86%	244
Hủy	4	0.01%	4	0.01%	4
Thành công	41726	99.34%	29846	99.14%	244
Total	42003	100.00%	30104	100.00%	244

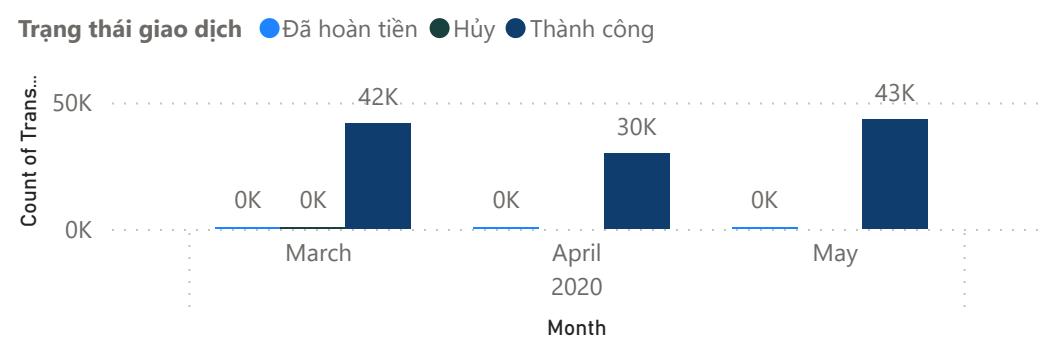
Count of TransactionId By Payment Type



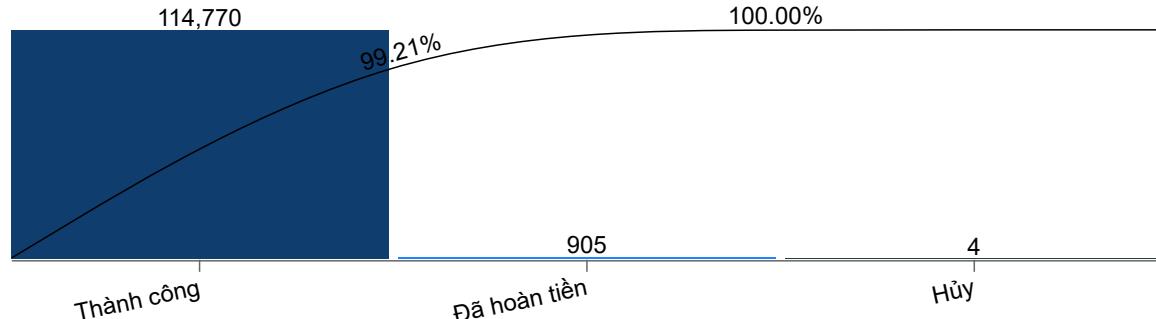
Contribution of Transactions By Payment Type



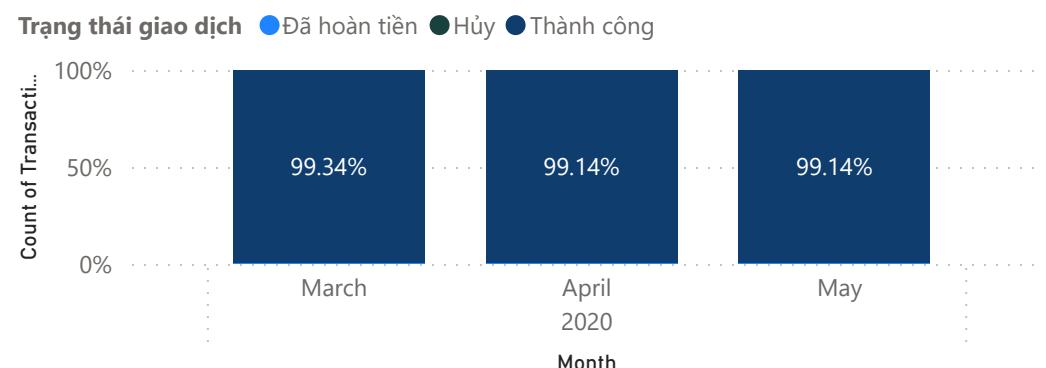
Count of TransactionId By Payment Type over Time



Contribution of Transactions By Payment Type



Count of TransactionId By Payment Type over Time



YearMonth

All

Payment...

All

Tỉnh

All

Tên dòng...

All

Tên danh...

All

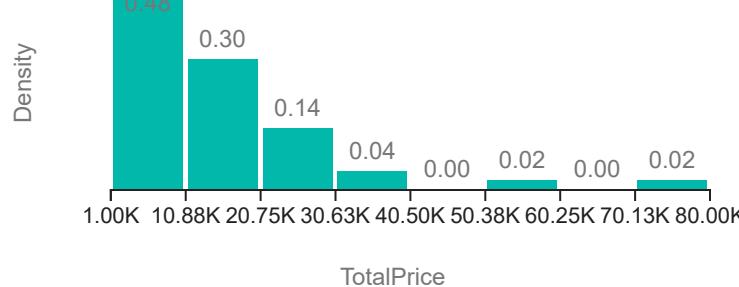
Numerical Variables

Total Price

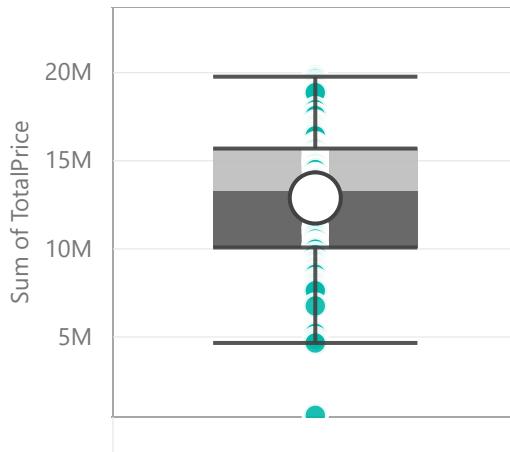
Descriptive Statistics

1,147,205,700.00	1,000.00
Sum of TotalPrice	Min of TotalPrice
80,000.00	9,917.15
Max of TotalPrice	Average of TotalPrice
3,258.87	10,000.00
SD of TotalPrice	Median of TotalPrice

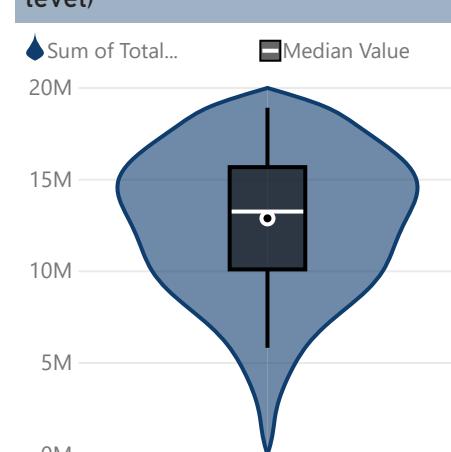
Distribution of Total Price (Data-level)



Distribution of Total Price (Day level)



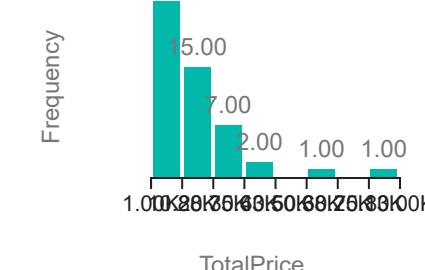
Distribution of Total Price (Day level)



Summary Statistic Table

Year	Sum of TotalPrice	Average of TotalPrice	Median of TotalPrice	Min of TotalPrice	Max of TotalPrice
2020	1,147,205,700.00	9,917.15	10,000.00	1,000.00	80,000.00
March	416,585,750.00	9,918.00	10,000.00	1,000.00	80,000.00
April	298,951,450.00	9,930.62	10,000.00	4,000.00	58,000.00
May	431,668,500.00	9,907.02	10,000.00	2,000.00	58,000.00
Total	1,147,205,700.00	9,917.15	10,000.00	1,000.00	80,000.00

Distribution of Total Price (Data-level) - March



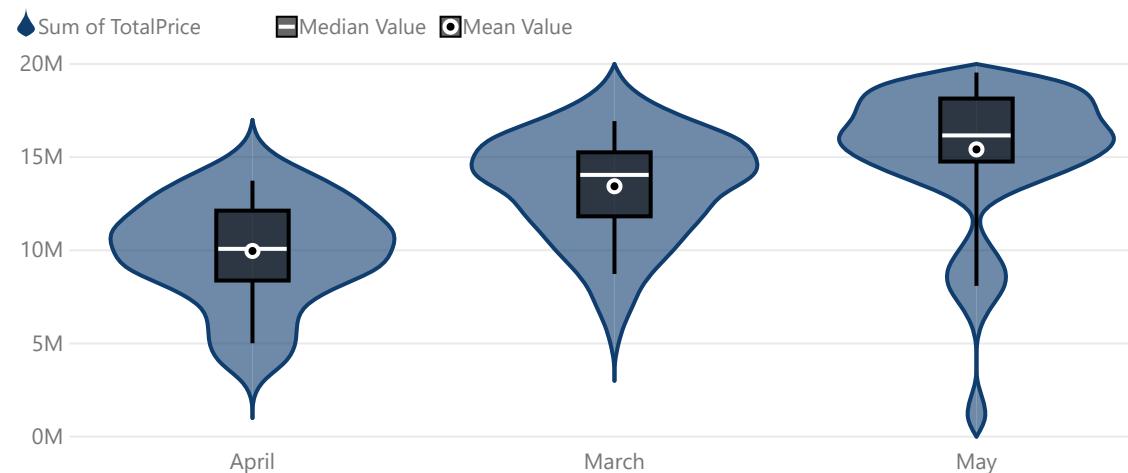
Distribution of Total Price (Data-level) - April



Distribution of Total Price (Data-level) - May



Distribution of Total Price (Day level) Over Time



YearMonth

All

Payment...

All

Tỉnh

All

Tên dòng...

All

Tên danh...

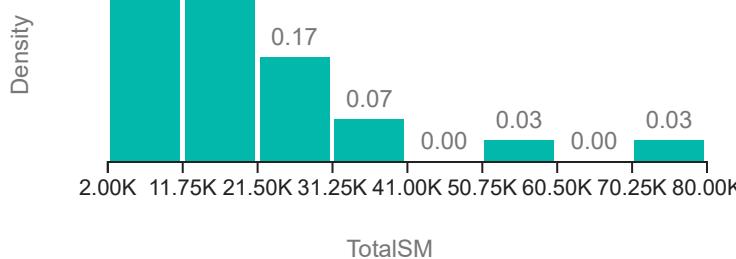
All

Total SM

Descriptive Statistics

1156275000	2000
Sum of TotalSM	Min of TotalSM
80000	9995.55
Max of TotalSM	Average of TotalSM
3280.03	10000
SD of TotalSM	Median of TotalSM

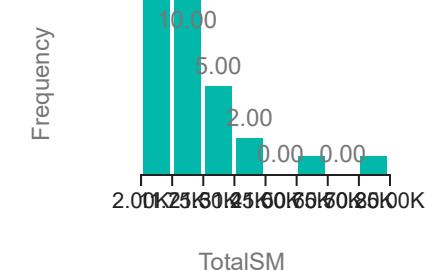
Distribution of Total SM (Data-level)



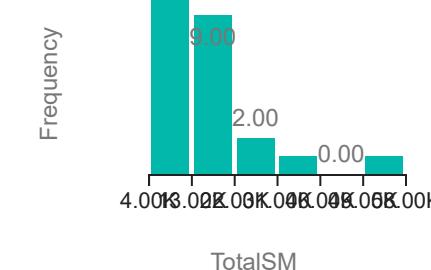
Summary Statistic Table

Year	Sum of TotalSM	Average of TotalSM	Median of TotalSM	Min of TotalSM	Max of TotalSM
2020	1156275000	9995.55	10000	2000	80000
	424447000	10105.16	10000	2000	80000
	300105000	9968.94	10000	4000	58000
	431723000	9908.27	10000	2000	58000
Total	1156275000	9995.55	10000	2000	80000

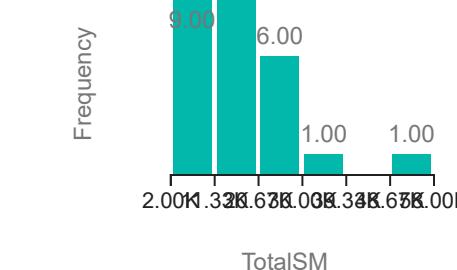
Distribution of Total SM (Data-level) - March



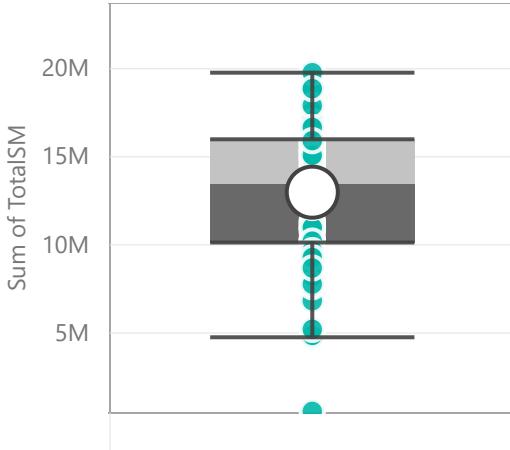
Distribution of Total SM (Data-level) - April



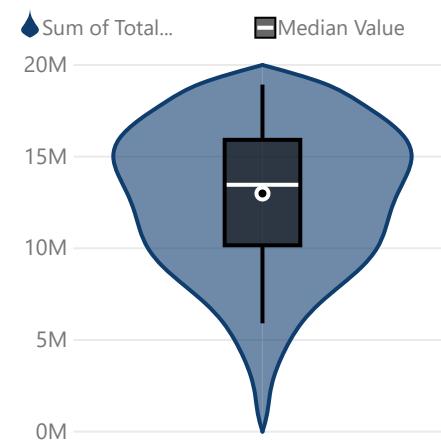
Distribution of Total SM (Data-level) - May



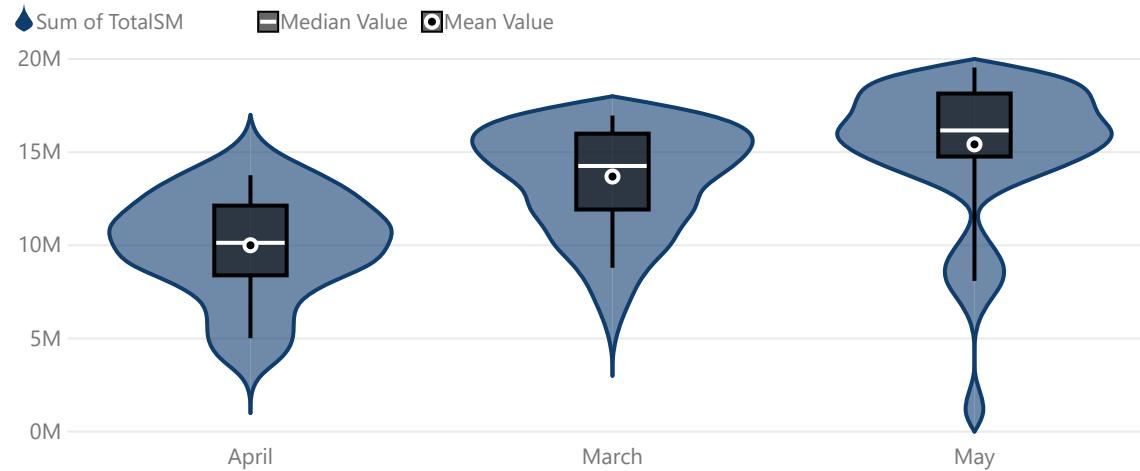
Distribution of Total SM (Day level)



Distribution of Total SM (Day level)



Distribution of Total Price (Day level) Over Time



YearMonth

All

Payment...

All

Tỉnh

All

Tên dòng...

All

Tên danh...

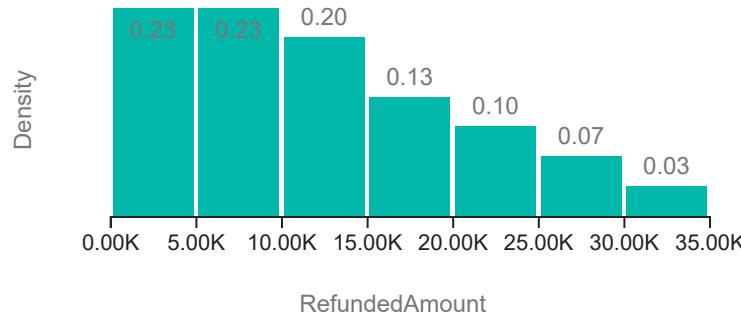
All

Refunded Amount

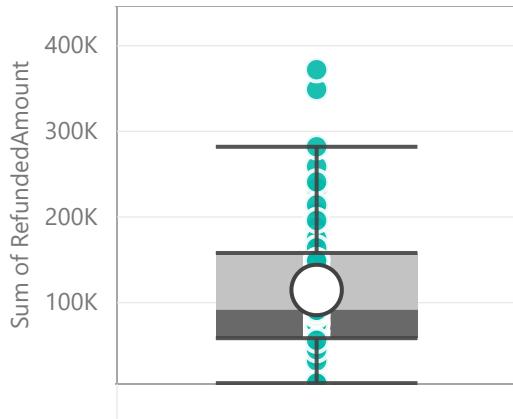
Descriptive Statistics

10,217,100.00	0.00
Sum of Refund...	Min of RefundedA...
35,000.00	88.32
Max of Refund...	Average of Refund...
1,159.06	0.00
SD of RefundedA...	Median of Refunde...

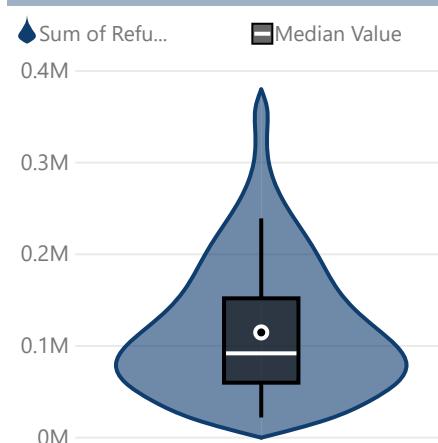
Distribution of Refunded Amount (Data-level)



Distribution of Refunded Amount (Day level)



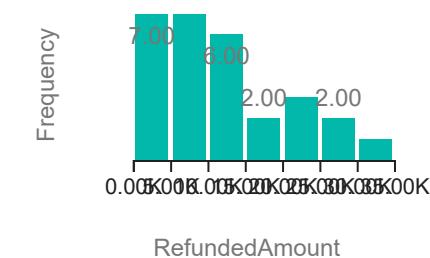
Distribution of Refunded Amount (Day level)



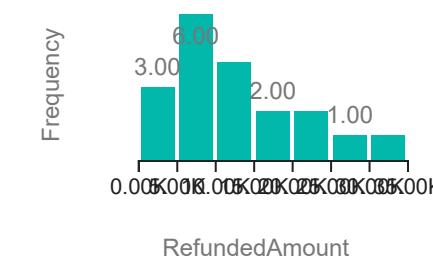
Summary Statistic Table

Year	Sum of RefundedAmount	Average of RefundedAmount	Median of RefundedAmount	Min of RefundedAm
2020	10,217,100.00	88.32	0.00	
March	3,882,000.00	92.42	0.00	
April	2,558,100.00	84.98	0.00	
May	3,777,000.00	86.68	0.00	
Total	10,217,100.00	88.32	0.00	

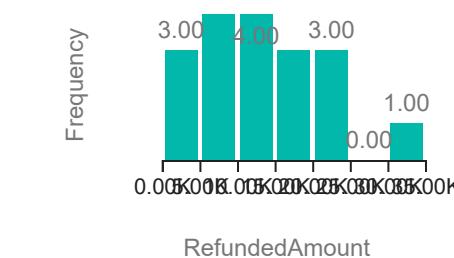
Distribution of Refunded Amount (Data-level) - March



Distribution of Refunded Amount (Data-level) - April



Distribution of Refunded Amount (Data-level) - May



YearMonth

All

Payment...

All

Tỉnh

All

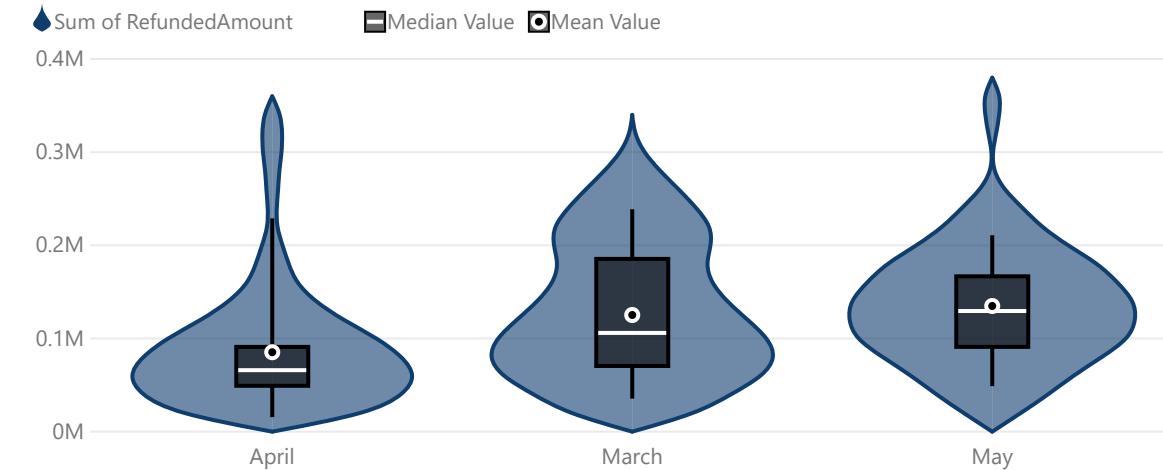
Tên dòng...

All

Tên danh...

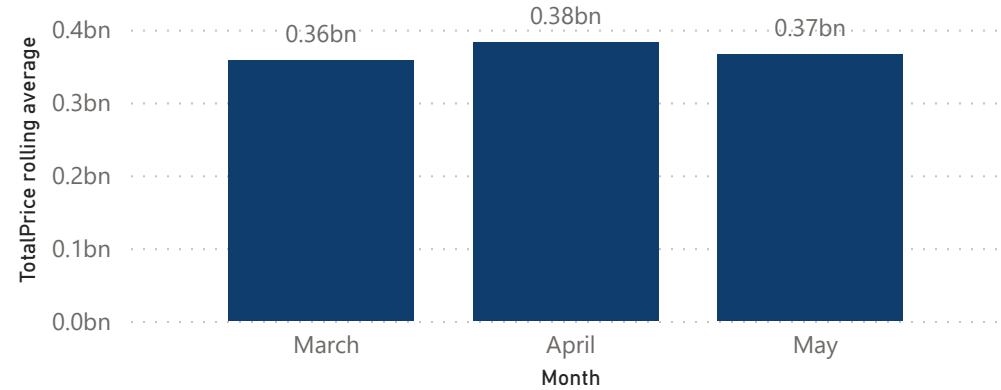
All

Distribution of Refunded Amount (Day level) Over Time



Time Intelligence

Total Price Rolling Average MoM

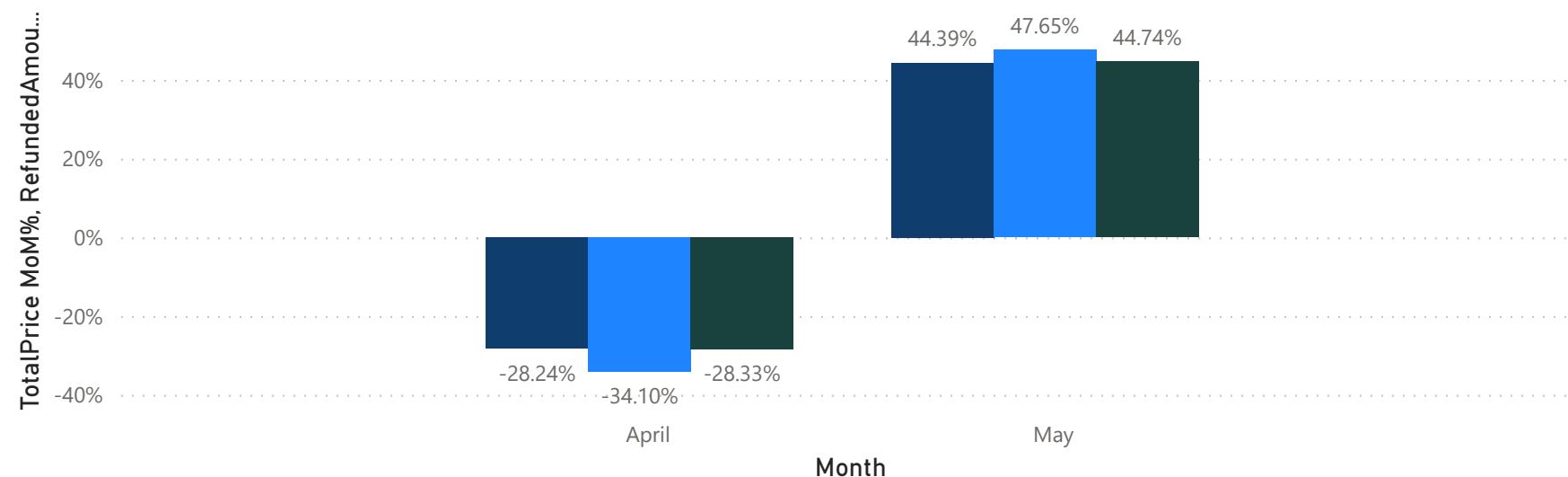


YearMonth

All

Total Price MoM Change

● TotalPrice MoM% ● RefundedAmount MoM% ● Count of TransactionId MoM%



Tỉnh

All

Tên dòng...

All

Tên danh...

All

CAT - CAT

Machine Line - Location

Count of TransactionId By Machine Line & Location Type

Loại địa điểm	Café	D720	D900	Dừa
Văn Phòng	3580	30666		
Chung Cư	2158	19591	434	144
Total	10572	98556	1134	289

Count of TransactionId By Machine Line & Location Type

Loại địa điểm	Café	D720	D900
Bến Tầu Thủy			7.66%
Chung Cư	20.41%	19.88%	38.2
Total	100.00%	100.00%	100.0

Count of TransactionId By Machine Line & Location Type

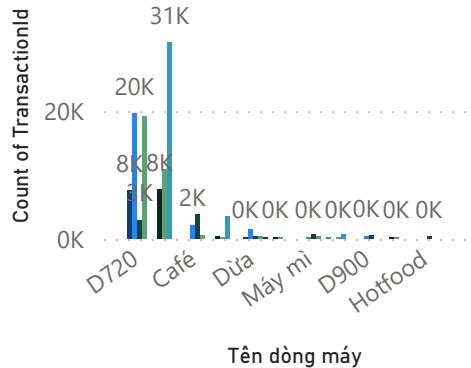
Loại địa điểm	Café	D720	D900
Bến Tầu Thủy			96.78%
Chung Cư	0.00%	0.00%	1.00%
Total	9.14%	85.20%	0.98%

Count of TransactionId By Machine Line & Location Type

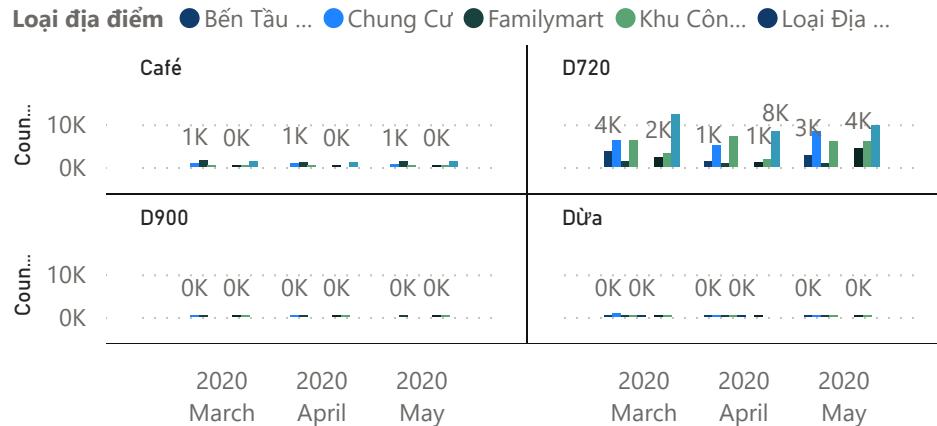
Loại địa điểm	Café	D720	D900	Dừa
Bến Tầu Thủy			6.53%	
Chung Cư	1.07%	16.04%	0.30%	
Total	9.14%	85.20%	0.98%	

Count of TransactionId By Machine Line & Location Type

Loại địa điểm ● Bến Tầu Thủy ● Chung Cư

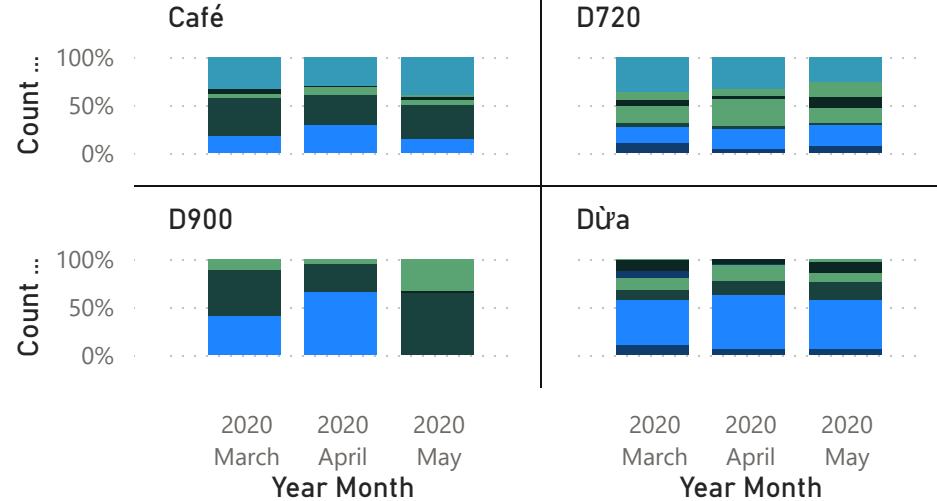


Count of TransactionId By Machine Line over Time



Count of TransactionId By Machine Line over Time

Loại địa điểm ● Bến Tầu Thủy ● Chung Cư ● Familymart ● Khu Công Ng...



YearMonth

All

Payment...

All

Tỉnh

All

Tên dòng máy

All

Tên danh mục

All

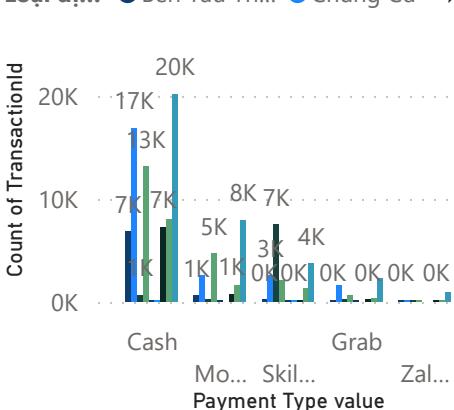
Location Type - Payment Type

Count of TransactionId By Machine Line & Location Type

Loại địa điểm	Cash	Grab	Momo	Skills
Văn Phòng	20161	2264	7950	5
Total	73118	548	18423	17

Count of TransactionId By Machine Line & Location Type

Loại địa điểm ● Bến Tàu Thủy ● Chung Cư



Count of TransactionId By Machine Line & Location Type

Loại địa điểm ● Cash ● Grab ● Momo

Bến Tàu Thủy	87.73%	1.19%	7.64%
Chung Cư	71.07%	6.72%	10.01%
Total	63.21%	4.74%	15.93%

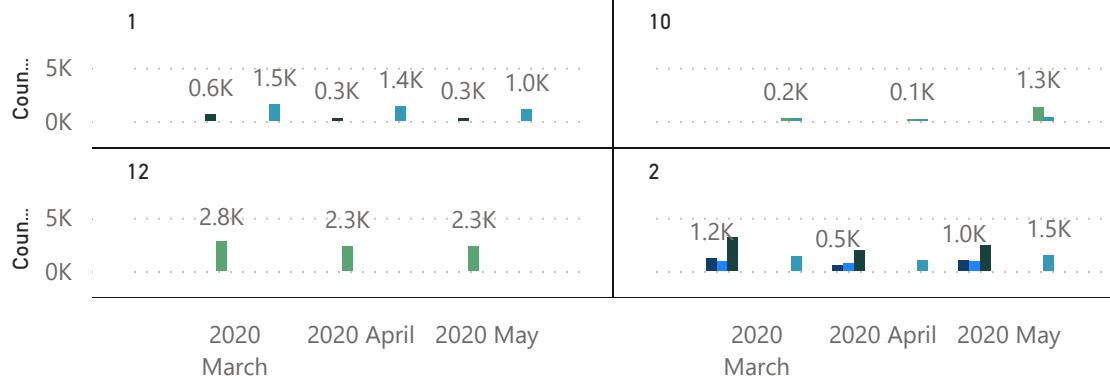
Count of TransactionId By Machine Line & Location Type

Loại địa điểm ● Cash ● Grab ● Momo

Bến Tàu Thủy	5.92%	0.08%	0.52%
Chung Cư	14.50%	1.30%	2.25%
Total	63.21%	4.74%	15.93%

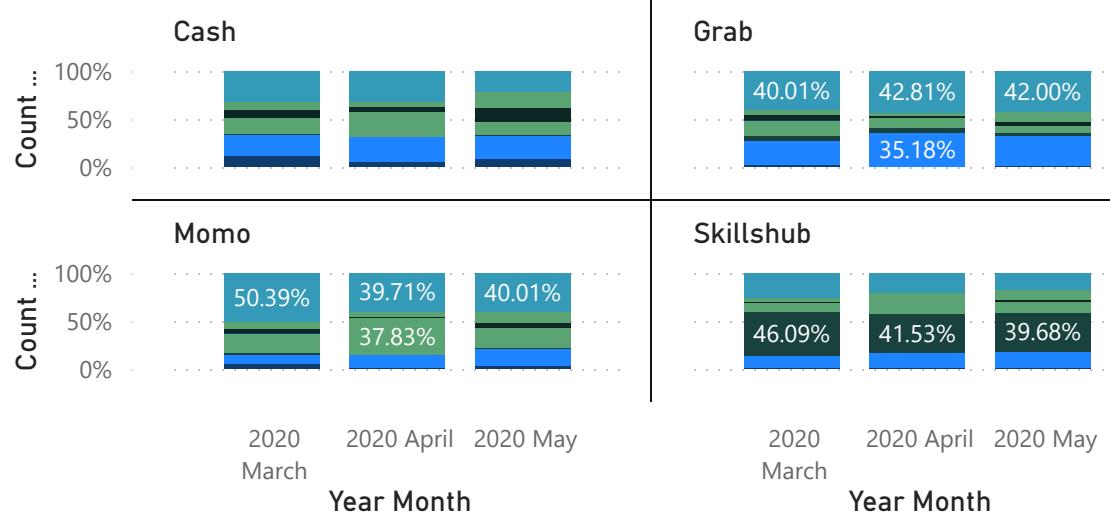
Count of TransactionId By Machine Line over Time

Loại địa điểm ● Bến Tàu Thủy ● Chung Cư ● Familymart ● Khu Công Nghiệp ● Loại Địa Điểm Đặc Biệt ● Quán Cà Phê



Count of TransactionId By Machine Line over Time

Loại địa điểm ● Bến Tàu Thủy ● Chung Cư ● Familymart ● Khu Công Nghiệp ● Loại Địa Điểm Đặc Biệt ● Quán Cà Phê



YearMonth

All

Payment...

All

Tỉnh

All

Tên dòng...

All

Tên danh...

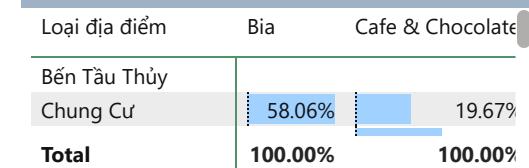
All

Location Type - Product Category

Count of TransactionId By Machine Line & Location Type



Count of TransactionId By Machine Line & Location Type



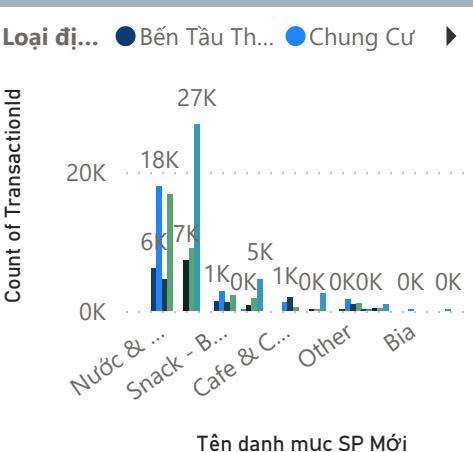
Count of TransactionId By Machine Line & Location Type



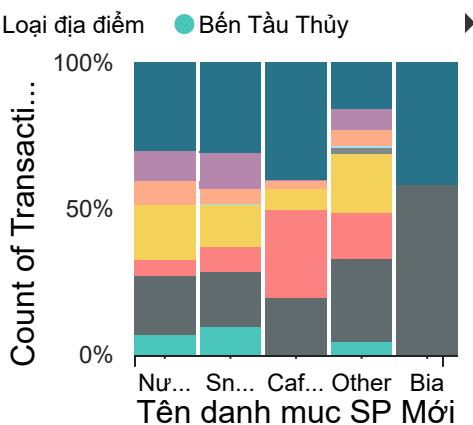
Count of TransactionId By Machine Line & Location Type



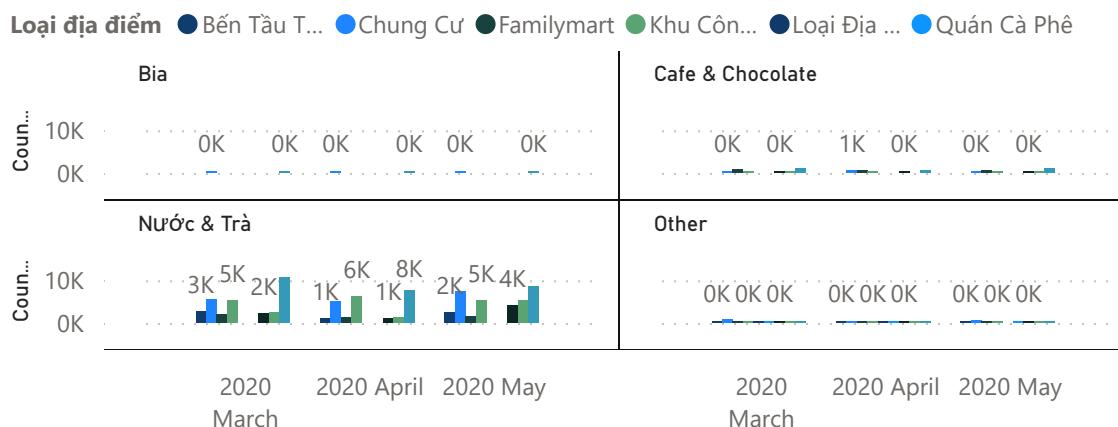
Count of TransactionId By Machine Line & Location Type



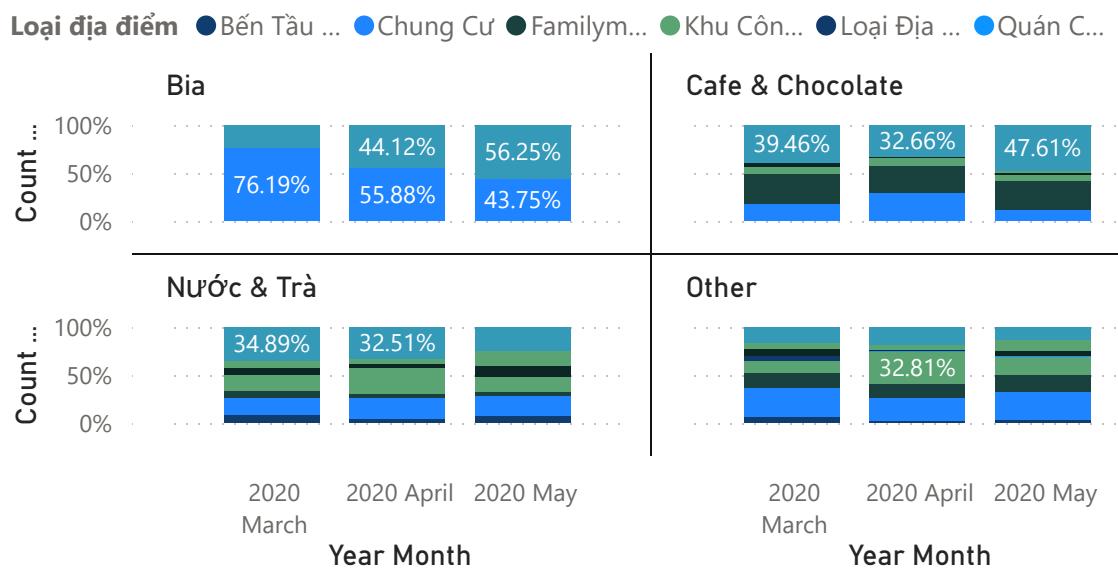
Count of TransactionId By Machine Line & Location Type



Count of TransactionId By Machine Line over Time



Count of TransactionId By Machine Line over Time



YearMonth

All

Payment...

All

Tỉnh

All

Tên dòng...

All

Tên danh...

All

Payment Type - Product Category

Count of TransactionId By Machine Line & Location Type

Payment Type value	Bia	Cafe & Chocolate	Nước & Trà
Cash	155	2614	59K
Momo	57	638	14K
Total	248	6324	59K

Count of TransactionId By Machine Line & Location Type

Payment Type value	Bia	Cafe & Chocolate
Cash	62.50%	41.33%
Grab	7.66%	9.27%
Total	100.00%	100.00%

Count of TransactionId By Machine Line & Location Type

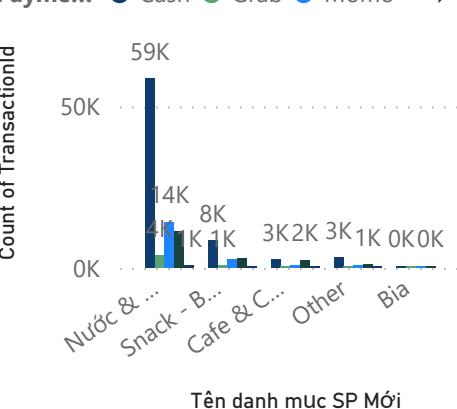
Payment Type value	Bia	Cafe & Chocolate
Cash	0.21%	3.58%
Grab	0.25%	10.60%
Total	0.21%	5.47%

Count of TransactionId By Machine Line & Location Type

Payment Type value	Bia	Cafe & Chocolate
Cash	0.13%	2.26%
Grab	0.02%	0.51%
Total	0.21%	5.47%

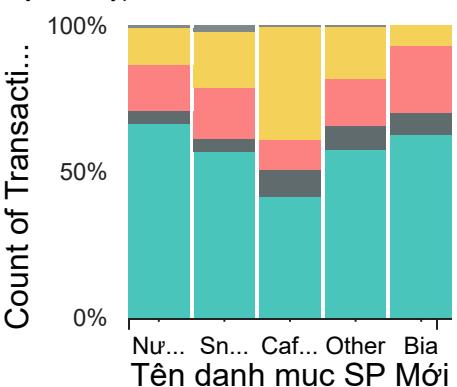
Count of TransactionId By Machine Line & Location Type

Payment Type value ● Cash ● Grab ● Momo



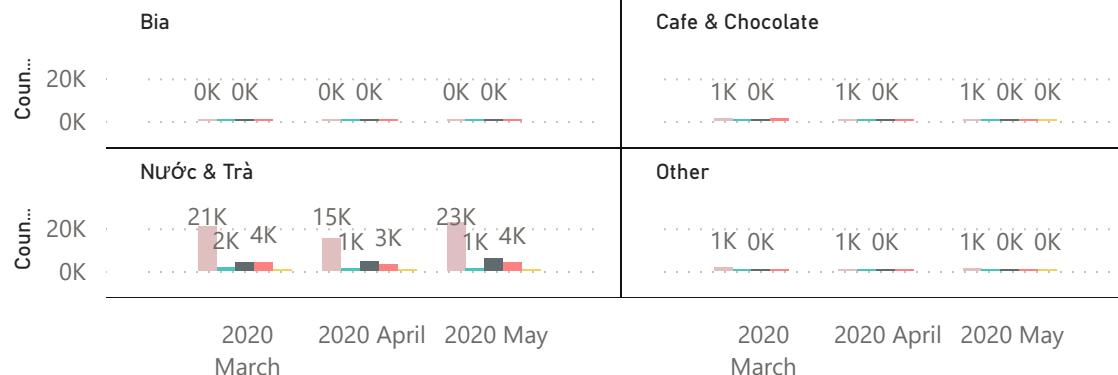
Count of TransactionId By Machine Line & Location Type

Payment Type value ● Cash ● Grab



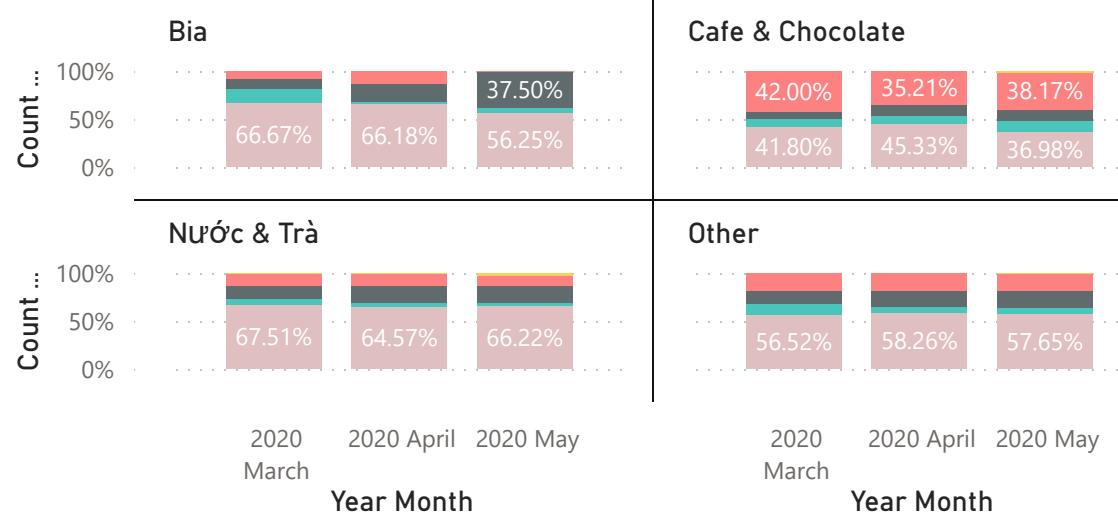
Count of TransactionId By Machine Line over Time

Payment Type value ● Cash ● Grab ● Momo ● Skillshub ● Zalopay



Count of TransactionId By Machine Line over Time

Payment Type value ● Cash ● Grab ● Momo ● Skillshub ● Zalopay



YearMonth

All

Payment...

All

Tỉnh

All

Tên dòng...

All

Tên danh...

All

CAT - NUM

Payment Type - Total Prices

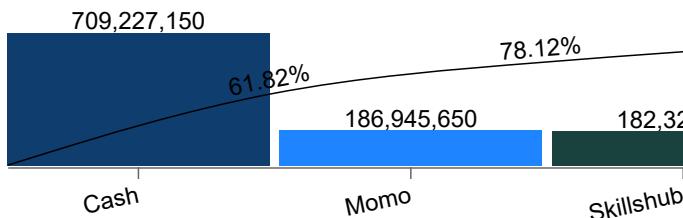
Count of TransactionId By Machine Line & Location Type

Payment Type value	Sum of TotalPrice	Median of TotalPrice	Average of TotalPrice	Standard deviation of TotalPrice
Cash	709,227,150.00	10,000.00	9,699.76	
Grab	57,648,800.00	10,000.00	10,510.26	
Momo	186,945,650.00	10,000.00	10,147.41	
Skillhub	182,323,600.00	10,000.00	10,389.99	
Zalopay	11,060,500.00	10,000.00	10,009.50	
Total	1,147,205,700.00	10,000.00	9,917.15	

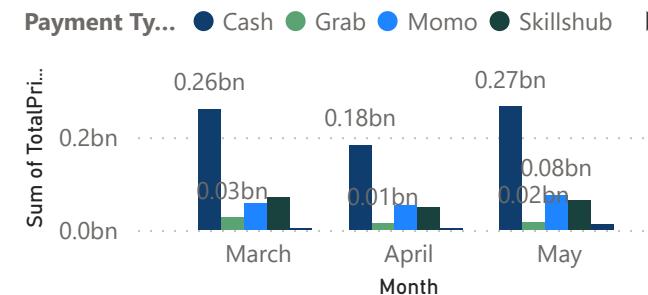
Count of TransactionId By Machine Line & Location Type

Month	March	Payment Type value	Sum of TotalPrice	Median of TotalPrice	Average of TotalPrice	Standard deviation of TotalPrice	IQR
		Cash	260,569,000.00	10,000.00	9,706.06	2,911.31	
		Grab	26,838,250.00	10,000.00	10,557.93	3,176.70	
		Momo	58,085,200.00	10,000.00	10,142.34	3,049.03	
		Skillhub	70,997,300.00	10,000.00	10,322.38	5,763.00	
		Zalopay	96,000.00	6,000.00	9,600.00	5,180.73	
		Total	416,585,750.00	10,000.00	9,918.00	3,581.56	

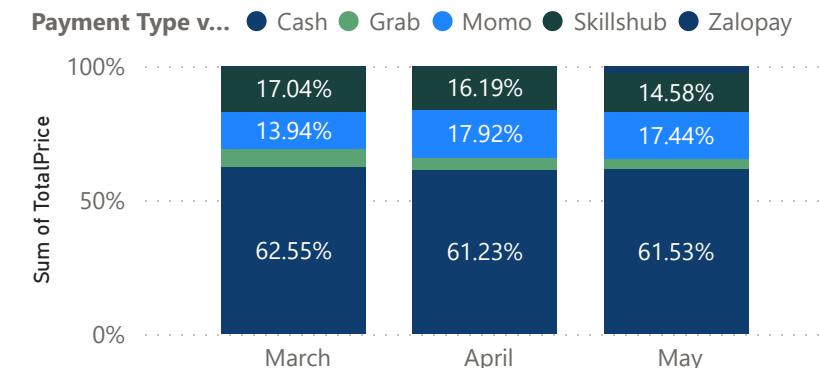
Count of TransactionId By Machine Line & Location Type



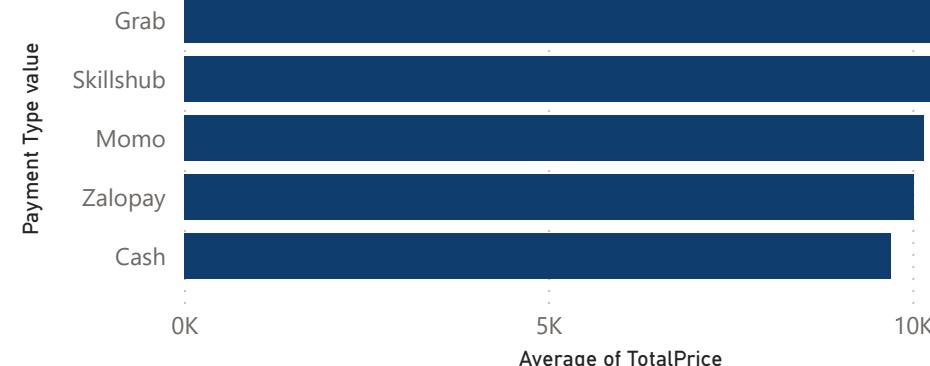
Count of TransactionId By Machine Line & Location Type



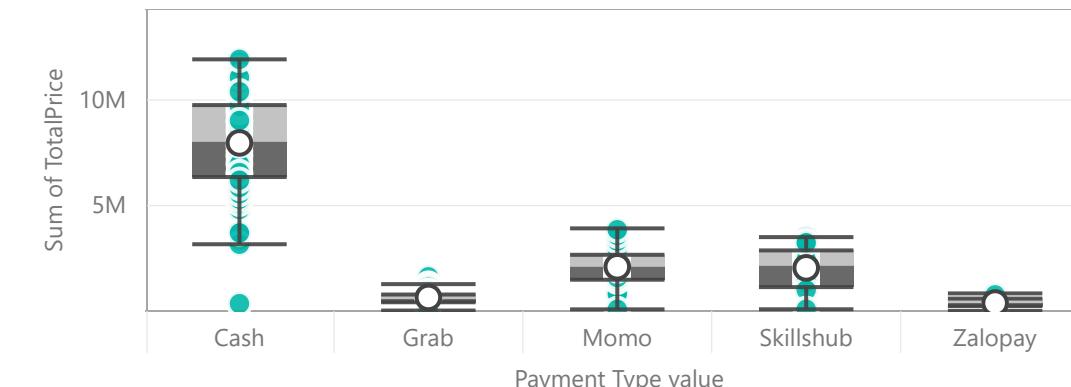
Count of TransactionId By Machine Line & Location Type



Count of TransactionId By Machine Line & Location Type



Count of TransactionId By Machine Line & Location Type



YearMonth

All

Payment...

All

Tỉnh

All

Tên dòng...

All

Tên danh...

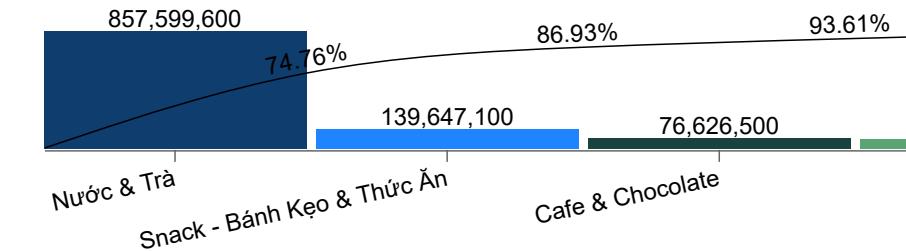
All

Product Category - Total Prices

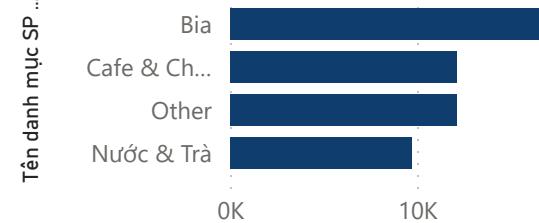
Count of TransactionId By Machine Line & Location Type

Tên danh mục SP Mới	Sum of TotalPrice	Median of TotalPrice	Average of TotalPrice
Bia	4,276,000.00	16,000.00	17,241
Cafe & Chocolate	76,626,500.00	13,000.00	12,116
Nước & Trà	857,599,600.00	10,000.00	9,683
Total	1,147,205,700.00	10,000.00	9,917.

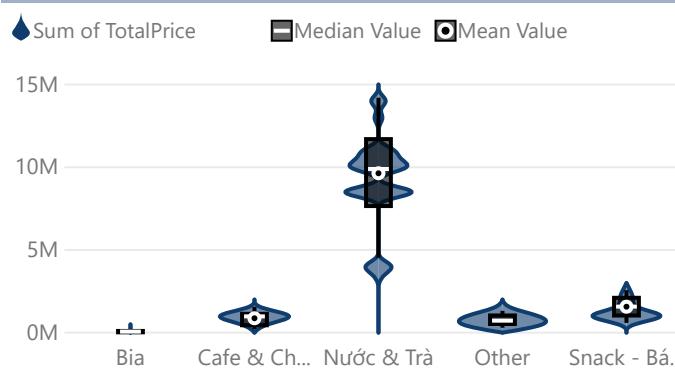
Count of TransactionId By Machine Line & Location Type



Count of TransactionId By Machine Line & Location Type



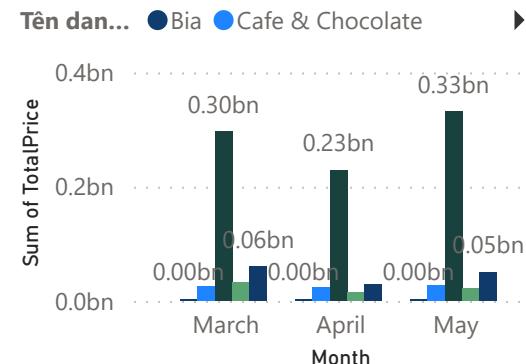
Count of TransactionId By Machine Line & Location Type



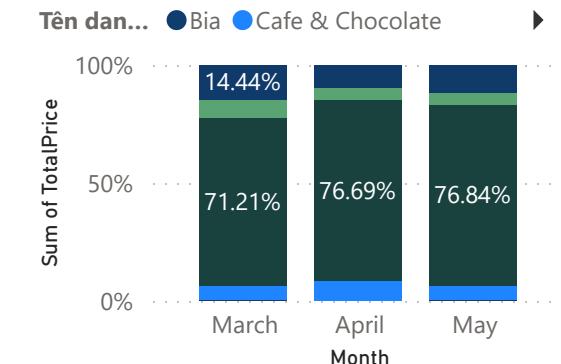
Count of TransactionId By Machine Line & Location Type

Month	March	Sum of TotalPrice	Median of TotalPrice	Average of TotalPrice	Standard deviation of TotalPrice
Bia	1,428,000.00	16,000.00	17,000.00	17,000.00	17,000.00
Cafe & Chocolate	26,186,500.00	10,000.00	10,933.82	10,933.82	10,933.82
Total	416,585,750.00	10,000.00	9,918.00	9,918.00	9,918.00

Count of TransactionId By Machine Line & Location Type



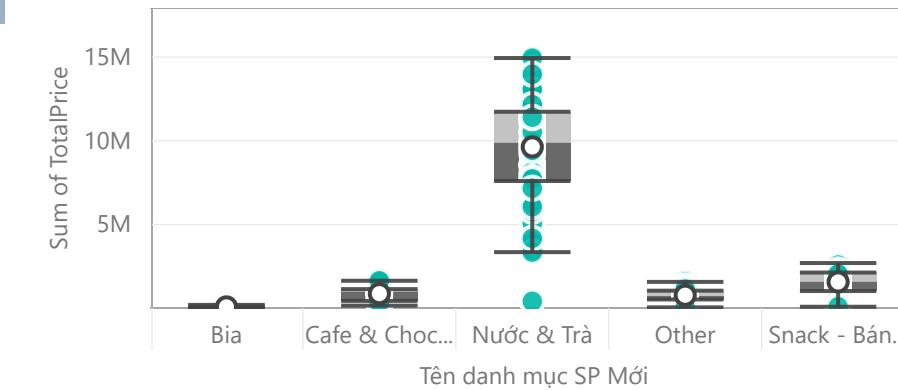
Count of TransactionId By Machine Line & Location Type



Count of TransactionId By Machine Line & Location Type



Count of TransactionId By Machine Line & Location Type



YearMonth

All

Payment...

All

Tỉnh

All

Tên dòng...

All

Tên danh...

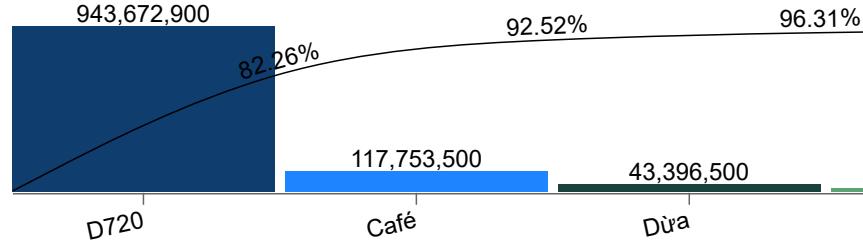
All

Machine Line - Total Prices

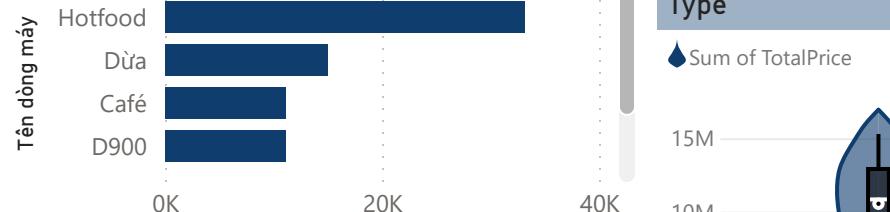
Count of TransactionId By Machine Line & Location Type

Tên dòng máy	Sum of TotalPrice	Median of TotalPrice	Average of TotalPrice	Standard deviation of TotalPrice
Café	117,753,500.00	10,000.00	11,138.24	
D720	943,672,900.00	10,000.00	9,574.99	
D900	12,563,700.00	10,000.00	11,079.10	
Total	1,147,205,700.00	10,000.00	9,917.15	

Count of TransactionId By Machine Line & Location Type



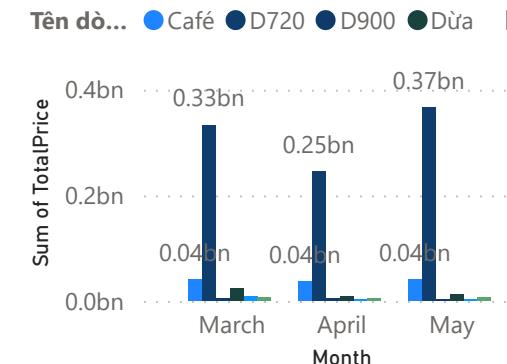
Count of TransactionId By Machine Line & Location Type



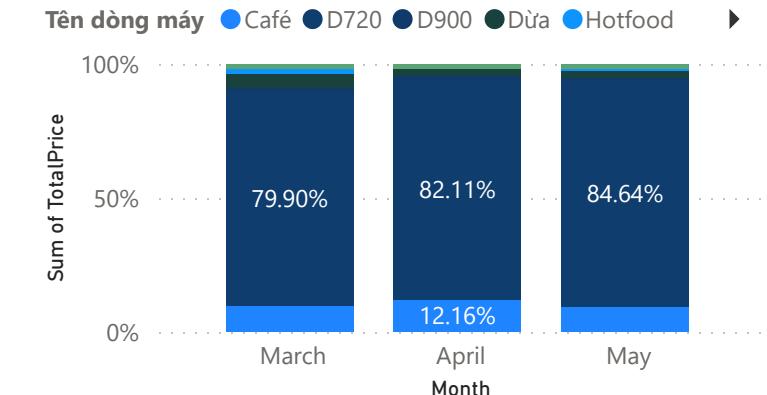
Count of TransactionId By Machine Line & Location Type

Month	March	Tên dòng máy	Sum of TotalPrice	Median of TotalPrice	Average of TotalPrice	Standard deviation of TotalPrice	Min
		Café	41,086,500.00	10,000.00	10,223.07	3,518.70	
		D720	332,838,950.00	10,000.00	9,533.93	2,893.77	
		Total	416,585,750.00	10,000.00	9,918.00	3,581.56	

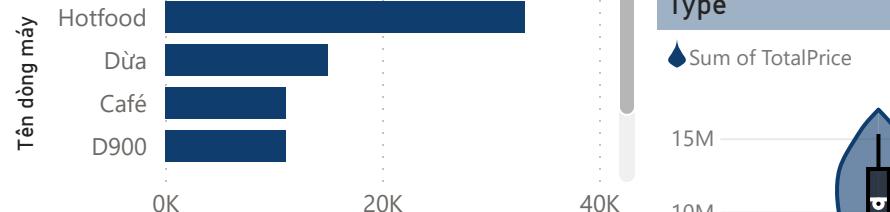
Count of TransactionId By Machine Line & Location Type



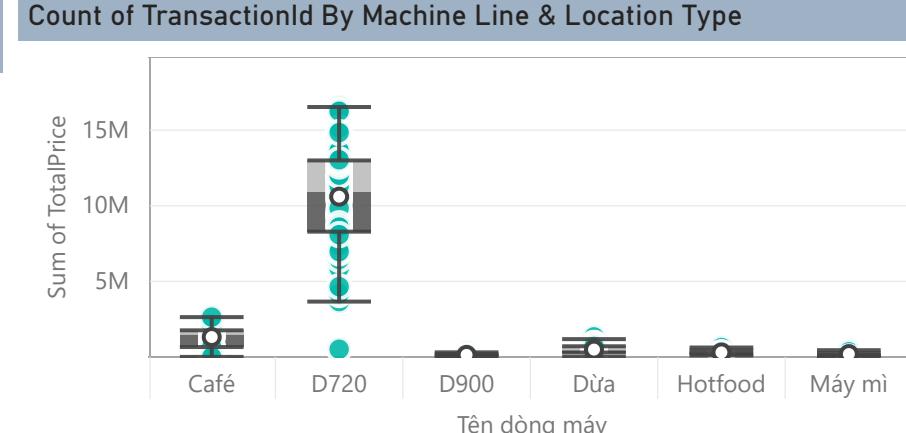
Count of TransactionId By Machine Line & Location Type



Count of TransactionId By Machine Line & Location Type



Count of TransactionId By Machine Line & Location Type



YearMonth

All

Payment...

All

Tỉnh

All

Tên dòng...

All

Tên danh...

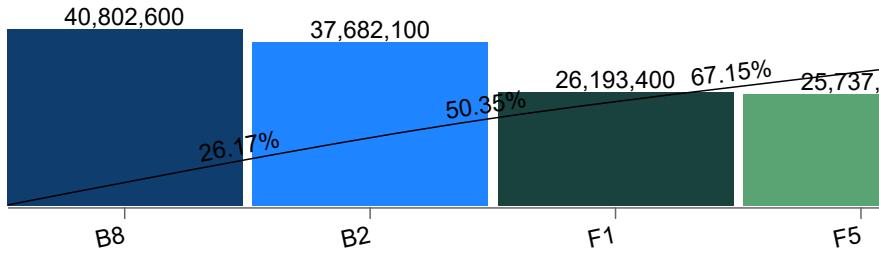
All

Position - Total Prices

Count of TransactionId By Machine Line & Location Type

Postion	Sum of TotalPrice	Median of TotalPrice	Average of TotalPrice	Standard deviation
B2	37,682,100.00	15,000.00	12,531.46	
B8	40,802,600.00	10,000.00	9,206.36	
D1	25,473,000.00	12,000.00	11,864.46	
Total	155,888,100.00	10,000.00	10,804.55	

Count of TransactionId By Machine Line & Location Type



Count of TransactionId By Machine Line & Location Type

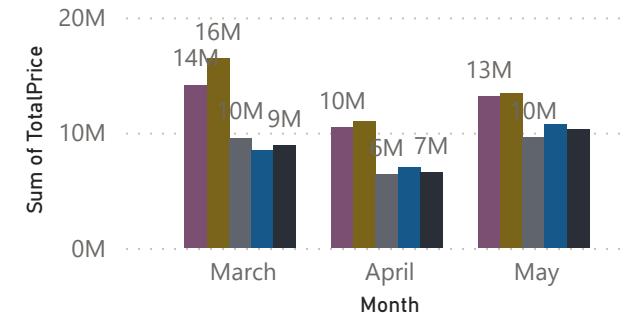


Count of TransactionId By Machine Line & Location Type

Month	March	Postion	Sum of TotalPrice	Median of TotalPrice	Average of TotalPrice	Standard deviation of TotalPrice	Min of TotalPrice
		B2	14,117,600.00	11,000.00	11,505.79	4,594.41	1,000.00
		B8	16,399,100.00	10,000.00	8,888.40	2,624.76	1,000.00
		Total	57,409,300.00	10,000.00	10,501.06	3,640.31	1,000.00

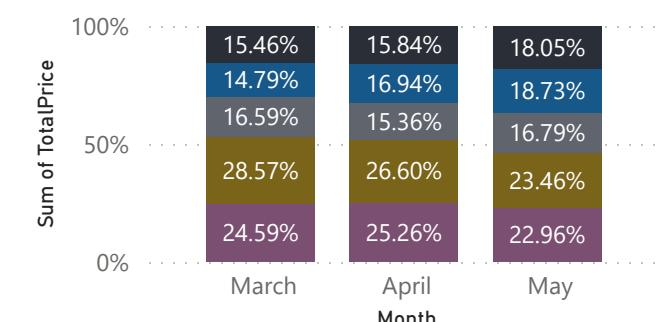
Count of TransactionId By Machine Line & Location Type

Postion ● B2 ● B8 ● D1 ● F1 ● F5

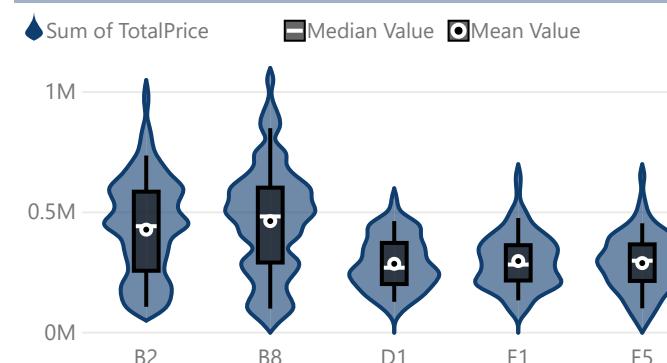


Count of TransactionId By Machine Line & Location Type

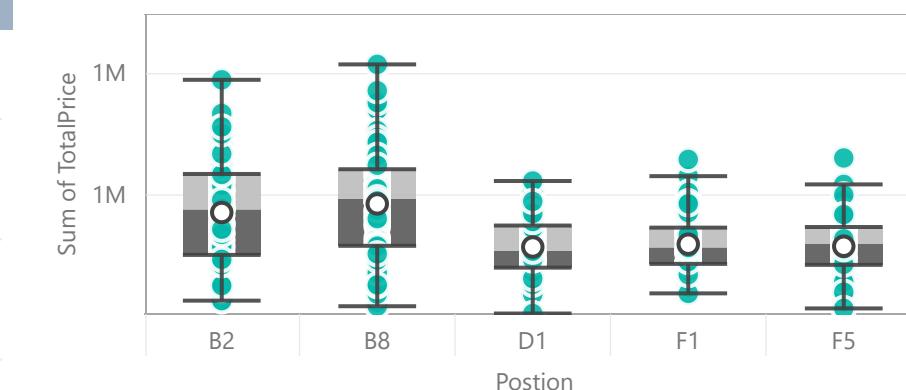
Postion ● B2 ● B8 ● D1 ● F1 ● F5



Count of TransactionId By Machine Line & Location Type



Count of TransactionId By Machine Line & Location Type



YearMonth

All

Payment...

All

Tỉnh

All

Tên dòng...

All

Tên danh...

All

NUM - NUM

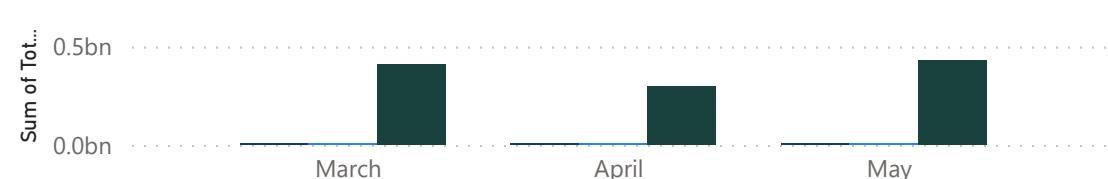
Total Prices - Total SM

Count of TransactionId By Machine Line & Location Type

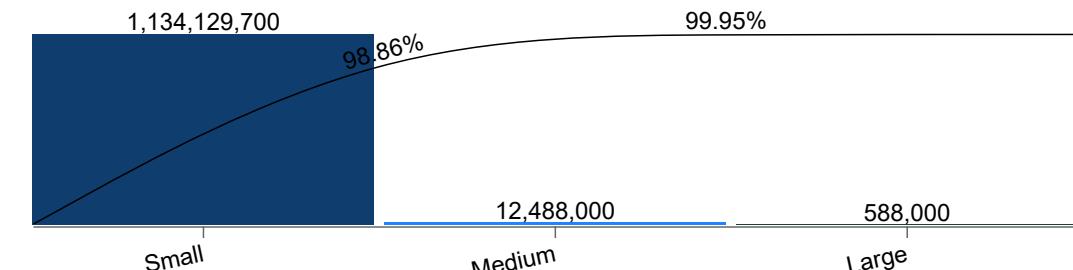
TotalSMGroup	Sum of TotalPrice	Median of TotalPrice	Average of TotalPrice	Standard deviation of TotalPrice
Large	588,000.00	58,000.00	65,333.33	10,370.90
Medium	12,488,000.00	35,000.00	33,037.04	4,176.17
Small	1,134,129,700.00	10,000.00	9,837.02	2,931.15
Total	1,147,205,700.00	10,000.00	9,917.15	3,258.87

Count of TransactionId By Machine Line & Location Type

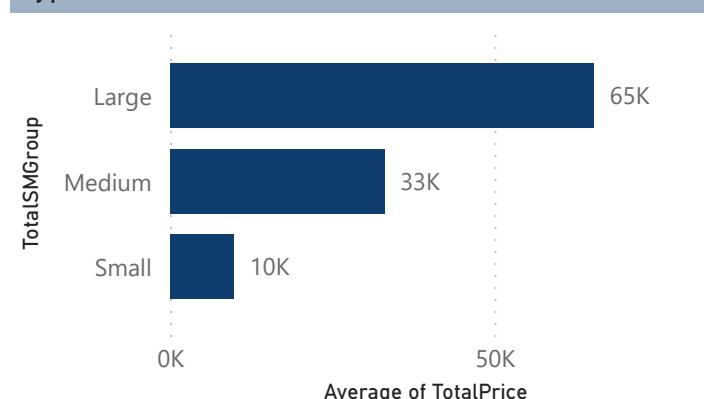
TotalSMGroup ● Large ● Medium ● Small



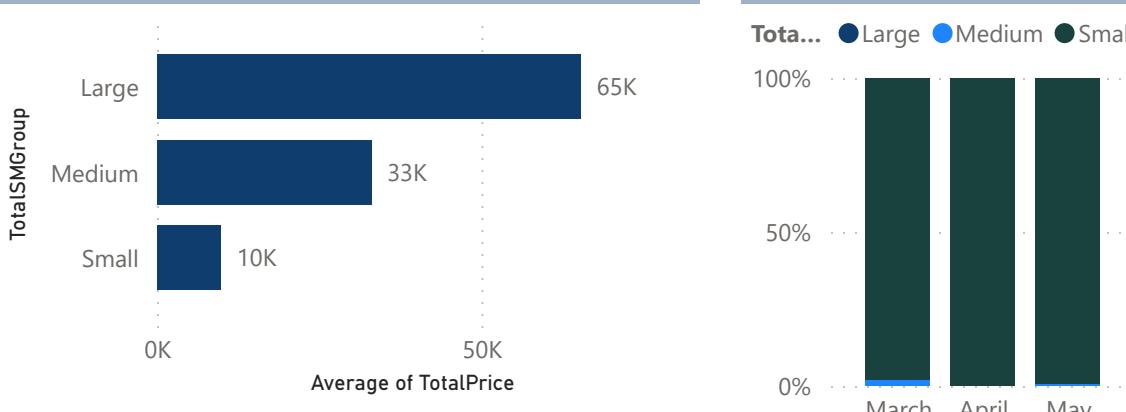
Count of TransactionId By Machine Line & Location Type



Count of TransactionId By Machine Line & Location Type

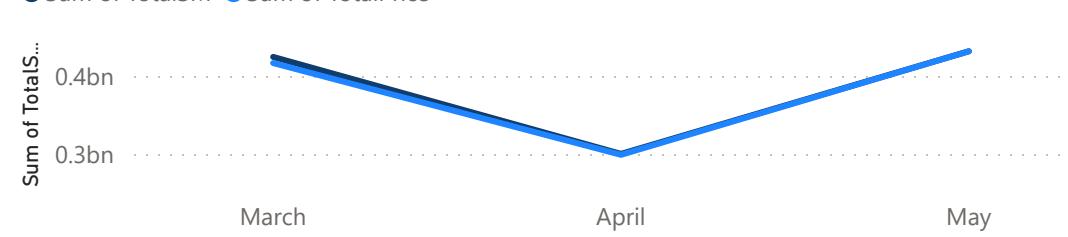


Count of TransactionId By Machine Line & Location Type

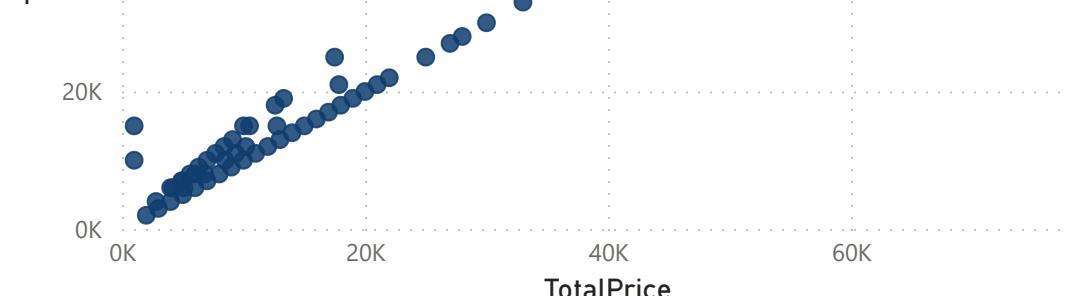


Count of TransactionId By Machine Line & Location Type

● Sum of TotalSM ● Sum of TotalPrice



TotalSM



YearMonth ▾

All ▾

Payment... ▾

All ▾

Tỉnh ▾

All ▾

Tên dòng... ▾

All ▾

Tên danh... ▾

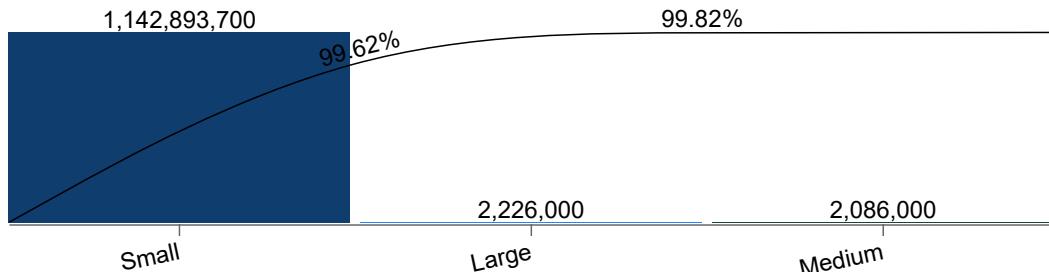
All ▾

Total Prices - Refunded Amount

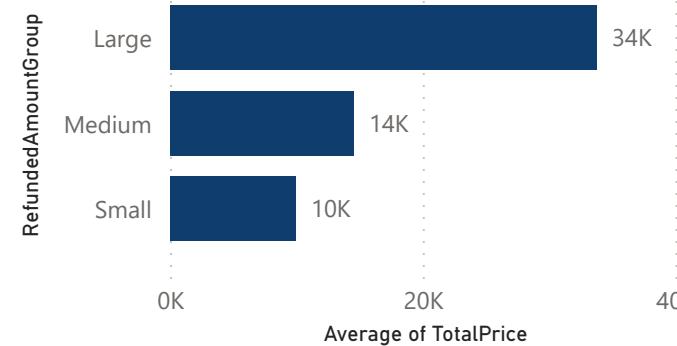
Count of TransactionId By Machine Line & Location Type

RefundedAmountGroup	Sum of TotalPrice	Median of TotalPrice	Average of TotalPrice	Standard deviation of TotalPrice
Large	2,226,000.00	35,000.00	33,727.27	
Medium	2,086,000.00	15,000.00	14,486.11	
Small	1,142,893,700.00	10,000.00	9,897.84	
Total	1,147,205,700.00	10,000.00	9,917.15	

Count of TransactionId By Machine Line & Location Type



Count of TransactionId By Machine Line & Location Type



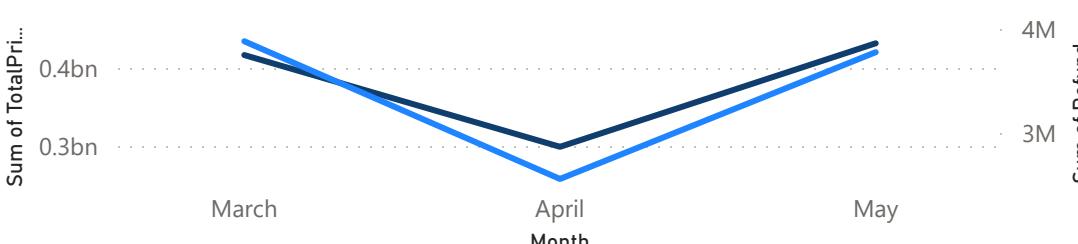
Count of TransactionId By Machine Line & Location Type

RefundedAmountGroup ● Large ● Medium ● Small

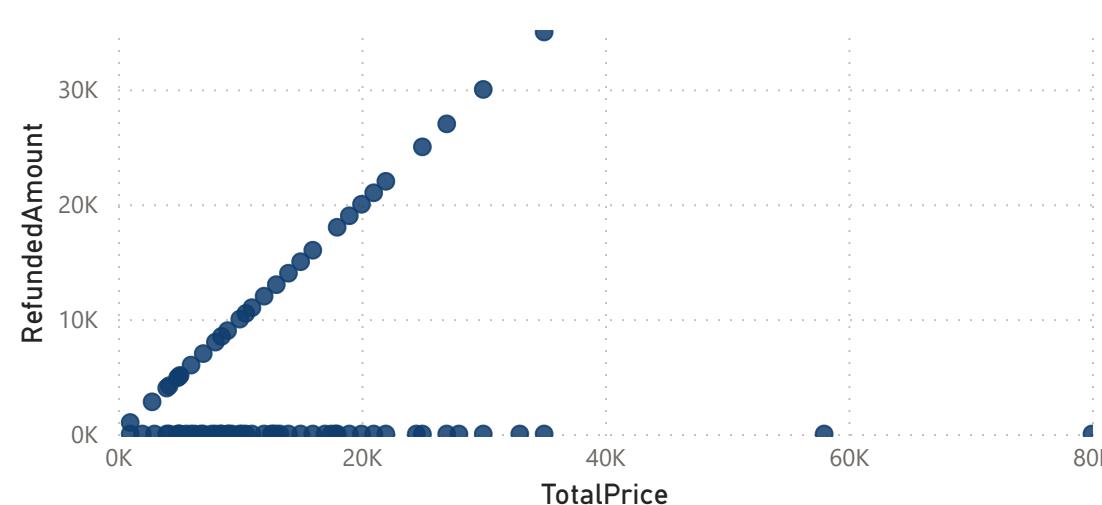


Count of TransactionId By Machine Line & Location Type

● Sum of TotalPrice ● Sum of RefundedAmount



TotalPrice and RefundedAmount



YearMonth

All

Payment...

All

Tỉnh

All

Tên dòng...

All

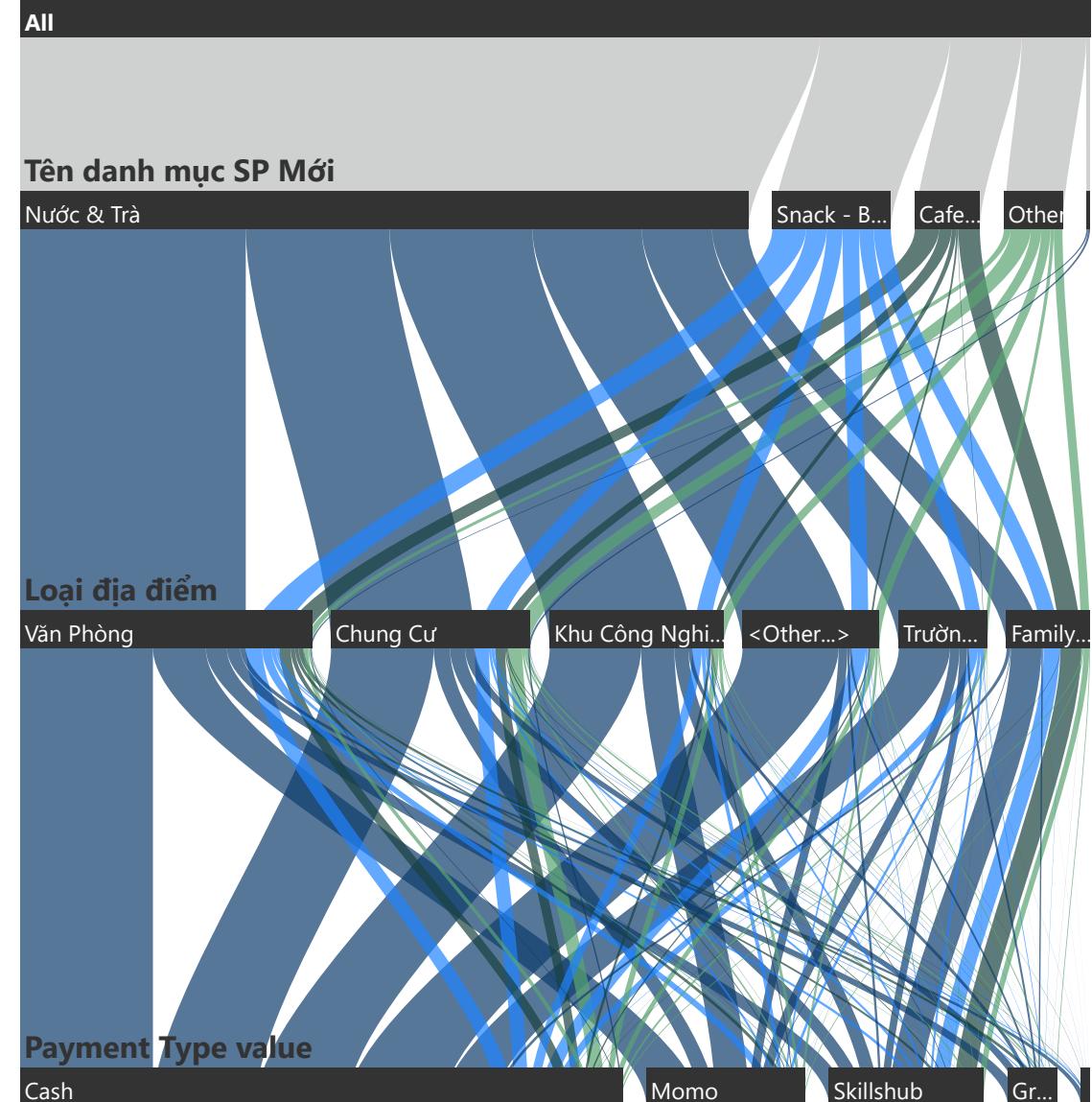
Tên danh...

All

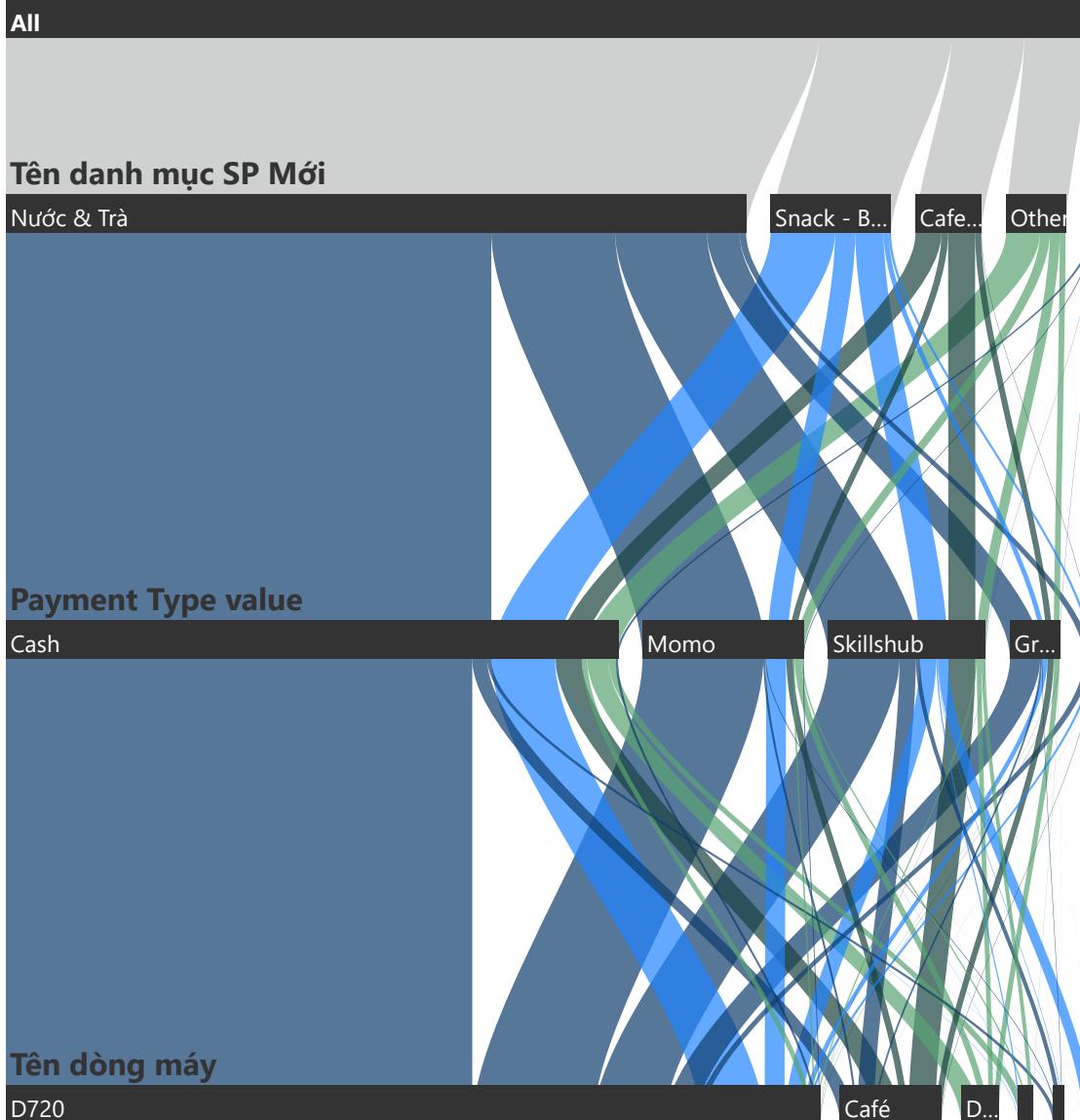
Multiple Variables

Multiple Variables 1

Sum of TotalPrice by Loại địa điểm, Tên danh mục SP Mới and Payment Type value



Sum of TotalPrice by Tên danh mục SP Mới, Payment Type value and Tên dòng máy



YearMonth

All

Payment...

All

Tỉnh

All

Tên dòng...

All

Tên danh...

All

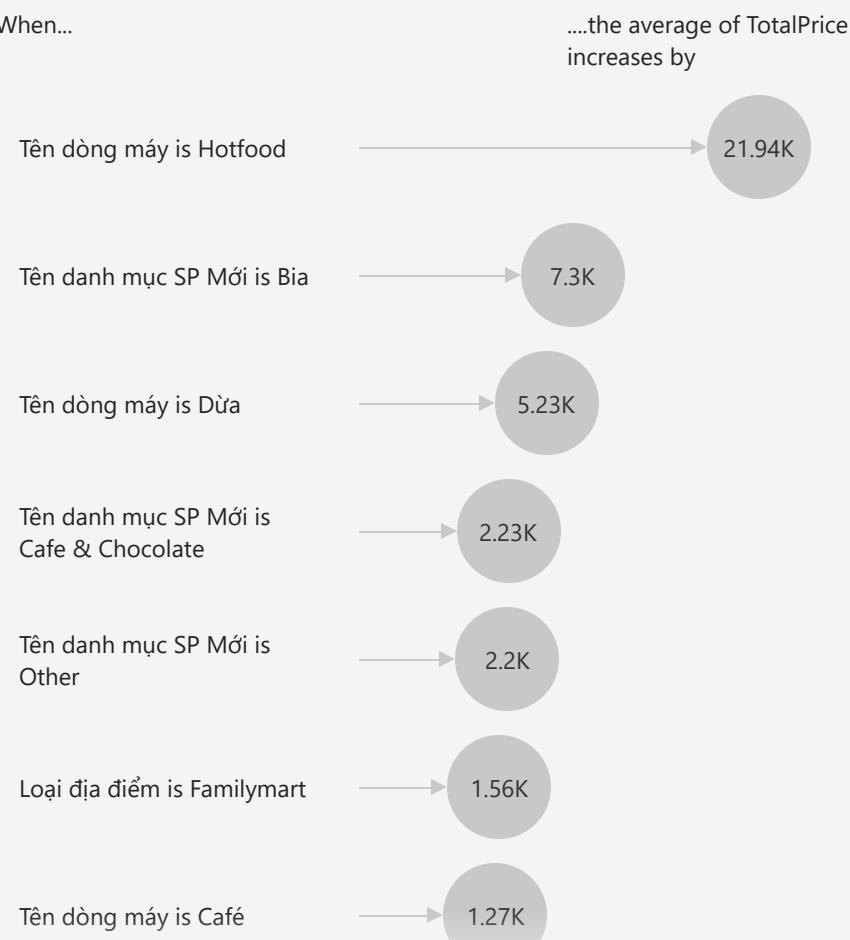
Multiple Variables 2

Key influencers Top segments



What influences TotalPrice to **Increase** ?

When...



Loại địa điểm

Văn Phòng

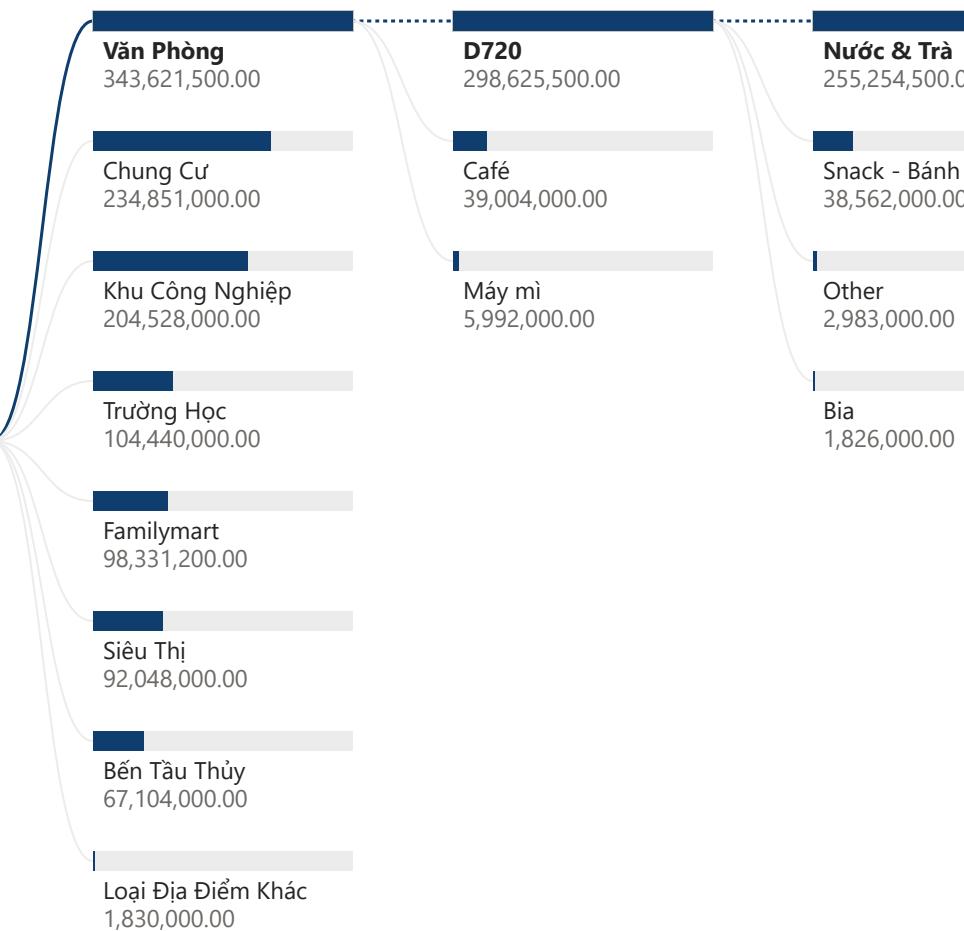
Tên dòng máy

D720

Tên danh mục

Sum of TotalPrice

1,147,205,700.00



YearMonth

All

Payment...

All

Tỉnh

All

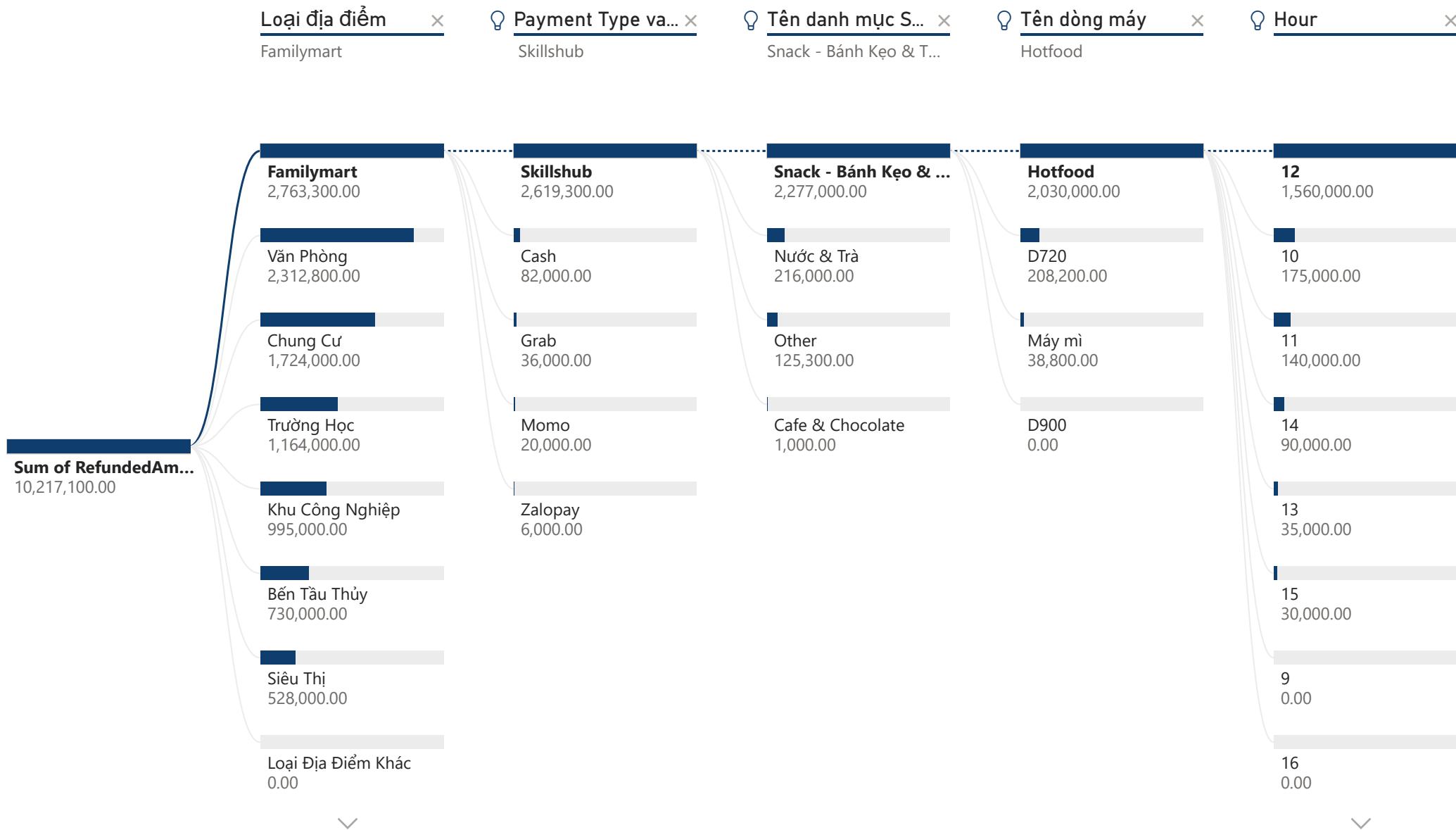
Tên dòng...

All

Tên danh...

All

Multiple Variables 3



YearMonth ▼

All

Payment... ▼

All

Tỉnh ▼

All

Tên dòng... ▼

All

Tên danh... ▼

All